

CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO
Hòa bình-Độc lập-Dân chủ-Thống nhất-Thịnh vượng

Quốc hội

Số 11/QH
Viêng chăn, ngày 9/11/2005

LUẬT DOANH NGHIỆP
PHẦN MỘT
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích

Luật Doanh nghiệp quy định những nguyên tắc, luật lệ và biện pháp để thành lập, hoạt động và quản lý một doanh nghiệp tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, nhằm thúc đẩy sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của tất cả mọi thành phần kinh tế, nhằm mở rộng lực lượng sản xuất và cải thiện quan hệ sản xuất, đẩy mạnh phát triển và tăng trưởng kinh tế quốc gia, và cải thiện đời sống cho tất cả các nhóm bộ tộc của Lào.

Điều 2: Diễn giải các thuật ngữ

Các thuật ngữ dùng trong Luật này được diễn giải như sau :

- Doanh nghiệp là tổ chức kinh doanh của một người hoặc pháp nhân có tên riêng, có vốn, tài sản, có hệ thống quản lý, có trụ sở, và được đăng ký phù hợp với Luật này. Doanh nghiệp còn được gọi là “Đơn vị kinh doanh”;
- Kinh doanh là một hoạt động trong một hoặc tất cả các giai đoạn của một quá trình đầu tư, từ giai đoạn sản xuất tới cung cấp dịch vụ, nhằm mục đích thu lợi nhuận và sử dụng các lợi nhuận cho phúc lợi công cộng;
- Danh sách Hạn chế là danh sách các hoạt động kinh doanh có tính nhạy cảm cao, liên quan chủ yếu tới an ninh quốc gia, trật tự công cộng, các truyền thống và môi trường, cần được các cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan kiểm tra trước khi cấp đăng ký doanh nghiệp;
- Doanh nghiệp cá thể là hình thức doanh nghiệp do một người thành lập. Doanh nghiệp cá thể hoạt động kinh doanh vì lợi ích của chủ doanh nghiệp. Chủ doanh nghiệp là một người duy nhất và chịu trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của doanh nghiệp;

- Công ty cổ phần là hình thức doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở hợp đồng giữa ít nhất hai nhà đầu tư để huy động vốn, với mục đích cùng hoạt động kinh doanh và cùng chia lợi nhuận;

- Công ty cổ phần phổ thông là một loại của công ty cổ phần do các cổ đông cùng điều hành kinh doanh dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau giữa họ và tất cả các cổ đông đều có trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của doanh nghiệp;

- Công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn là một loại của công ty cổ phần trong đó một số cổ đông chịu trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của doanh nghiệp, được gọi là “cổ đông chung”, và một số cổ đông khác chịu trách nhiệm có hạn về những khoản nợ của doanh nghiệp được gọi là “cổ đông hữu hạn”;

- Công ty là một hình thức doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở phân chia vốn thành những cổ phần có giá trị ngang nhau. Những người nắm giữ cổ phần chịu trách nhiệm không quá giá trị cổ phần của mình (kể cả phần chưa đóng đủ) đối với những khoản nợ của công ty;

- Công ty trách nhiệm hữu hạn là một kiểu công ty có số người nắm giữ cổ phần ít nhất là 2 nhưng không được quá 30, trừ trường hợp được quy định trong đoạn 1 Điều 85 của bộ Luật này. Công ty trách nhiệm hữu hạn chỉ có 1 người nắm giữ cổ phần được gọi là “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên”;

- Công ty hợp danh là một kiểu công ty có số cổ đông thành lập ít nhất là 9 người, được quyền tự do chuyển nhượng cổ phiếu và công khai bán cổ phiếu;

- Công khai bán cổ phiếu là đưa ra công chúng bán các cổ phiếu của công ty hợp danh tại thị trường chứng khoán hoặc bên ngoài thị trường chứng khoán phù hợp với luật pháp và các quy định liên quan;

- Công ty Nhà nước (quốc doanh) là công ty do Nhà nước thành lập, và việc quản lý công ty được dựa trên những nguyên tắc của công ty chủ đạo. Công ty Nhà nước được quyền bán cổ phần không quá 50% vốn như được quy định trong bộ Luật này;

- Công ty hợp doanh là công ty được thành lập liên doanh giữa công ty Nhà nước với một hoặc nhiều bên khác trong nước hoặc của nước ngoài, trong đó mỗi bên góp 50% vốn;

- Cổ phần là vốn của công ty hoặc công ty cổ phần, được chia thành các phần có giá trị ngang hoặc không ngang nhau tùy thuộc vào loại hình công ty cổ phần hoặc công ty như được quy định trong Luật này;

- Cổ phần thường (phổ thông) là loại cổ phần mà chủ cổ phần không thể đưa ra mua bán;

- Cổ phần ưu đãi là loại cổ phần mà chủ cổ phần có thể đem ra mua bán. Cổ phần ưu đãi có các quyền lợi và điều kiện khác với cổ phần thường;
- Trái phiếu là tài liệu hợp pháp chứng minh phần của cổ đông hoặc quyền và sở hữu của người nắm giữ cổ phần trong công ty cổ phần hoặc công ty;
- Giấy nợ là vật thế chấp nợ chưa được trả mà người cầm giấy có quyền hợp pháp để được trả lại tiền với lãi suất đã thoả thuận;
- Cổ tức là khoản tiền chia cho các cổ đông hoặc người nắm giữ cổ phần có nguồn gốc từ lãi ròng của công ty cổ phần hoặc công ty sau khi đã khấu trừ vốn ban đầu, các chi phí và các khoản nợ;
- Số đại biểu quy định là số lượng tối thiểu những người tham dự cuộc họp để cho phép tiến hành cuộc họp một cách hợp pháp;
- Bí mật thương mại là thông tin quan trọng liên quan tới phương pháp sản xuất, kinh doanh hoặc dịch vụ của doanh nghiệp mà nếu bị lộ sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho sự ổn định và tình trạng tài chính của doanh nghiệp;
- Thanh lý viên là người được toà án hoặc doanh nghiệp bị giải thể hoặc bị phá sản cử ra để thực hiện những quyền và nhiệm vụ liên quan tới tài sản nhằm thanh lý tài sản cho các chủ nợ của doanh nghiệp và cho các chủ doanh nghiệp, các cổ đông hoặc người nắm giữ cổ phần đối với phần vốn họ nắm giữ.

Điều 3: Quyền thành lập doanh nghiệp

Công dân Lào, những người thường trú, người không quốc tịch đang sinh sống, cư trú tại nước CHDCND Lào và những người sống bên ngoài Tổ quốc đều có quyền tiến hành hoặc tham gia hoạt động kinh doanh phù hợp với luật pháp của nước CHDCND Lào.

Điều 4: Bình đẳng về kinh doanh

Tất cả mọi thành phần kinh tế, không kể nước ngoài hay trong nước, đều được coi ngang nhau và cùng bình đẳng trước pháp luật trong hoạt động kinh doanh, nhằm mục đích thúc đẩy lực lượng sản xuất và mở rộng sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

Điều 5: Nghĩa vụ của doanh nghiệp

Các doanh nghiệp có nghĩa vụ hoạt động kinh doanh đúng với các lĩnh vực ngành nghề đã đăng ký và phù hợp với các chế độ sổ sách kế toán của doanh nghiệp, thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, bảo vệ những quyền lợi hợp pháp của người lao động, bảo vệ môi trường và tôn trọng các luật lệ và quy định của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Điều 6: Quyền và lợi ích của các doanh nghiệp được Nhà nước bảo vệ

Nhà nước khuyến khích các cá nhân và tổ chức, không kể nước ngoài hay trong nước, thành lập doanh nghiệp hoặc tham gia hoạt động kinh doanh trong tất cả mọi lĩnh vực không bị cấm. Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thông qua những chính sách khuyến khích về thuế, hỗ trợ thông tin và các dịch vụ khác, nhằm khuyến khích tất cả các doanh nghiệp đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội.

Những quyền lợi hợp pháp của các doanh nghiệp như vốn và tài sản được pháp luật bảo vệ.

Điều 7: Hợp tác quốc tế

Trong các hoạt động kinh doanh, Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với nước ngoài nhằm thu hút vốn, khoa học và công nghệ; trao đổi thông tin và kinh nghiệm về quản lý kinh doanh tiên tiến; mở rộng thị trường và hội nhập trong vùng và thế giới.

Điều 8: Đối tượng áp dụng luật

Luật này áp dụng đối với các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, doanh nghiệp Nhà nước và liên doanh đang hoạt động tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Các hợp tác xã và những người buôn bán nhỏ không nằm trong phạm vi áp dụng của Luật này mà thực hiện theo những quy định riêng khác.

PHẦN HAI
DOANH NGHIỆP

CHƯƠNG I
CÁC LOẠI, HÌNH DOANH NGHIỆP

Điều 9: Các loại doanh nghiệp

Tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, có bốn loại doanh nghiệp : doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp hợp doanh và doanh nghiệp tập thể.

Doanh nghiệp tư nhân có thể thành lập và tiến hành kinh doanh theo những hình thức và kiểu loại doanh nghiệp được quy định trong Điều 10 và Điều 11 của Luật này.

Doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp hợp doanh được thành lập và tiến hành kinh doanh dựa trên những nguyên tắc của công ty chủ đạo. Các doanh nghiệp Nhà nước được gọi là “Công ty quốc doanh” và các doanh nghiệp hợp doanh được gọi là “Công ty hợp doanh (liên doanh)”

Điều 10 : Các hình thức doanh nghiệp

Hình thức doanh nghiệp là việc tổ chức kinh doanh làm cơ sở cho tổ chức và hoạt động kinh doanh của tất cả các loại doanh nghiệp.

Có ba hình thức doanh nghiệp :

1. Doanh nghiệp cá thể;
2. Công ty cổ phần;
3. Công ty.

Điều 11: Các loại công ty cổ phần và công ty

Có bốn loại công ty cổ phần và công ty sau :

1. Hai loại công ty cổ phần :

- Công ty cổ phần phổ thông;
- Công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn;

2. Hai loại công ty :

- Công ty trách nhiệm hữu hạn, kể cả công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

- Công ty hợp danh.

CHƯƠNG II

ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Điều 12: Đăng ký doanh nghiệp

Đăng ký doanh nghiệp là Nhà nước chấp thuận một người hoặc một pháp nhân, không kể nước ngoài hay trong nước, đã nộp đơn xin đăng ký thành lập doanh nghiệp tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào một cách hợp thức.

Đăng ký doanh nghiệp có những quy định cụ thể riêng.

Đăng ký doanh nghiệp được cấp một lần cho toàn bộ quá trình hoạt động của một doanh nghiệp.

Điều 13: Nộp đơn xin đăng ký doanh nghiệp

Người có ý định tiến hành kinh doanh tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào cần nộp đơn xin đăng ký doanh nghiệp theo mẫu cho các cơ quan liên quan của Chính phủ theo quy định trong Luật này.

Điều 14: Các bước và thời hạn xem xét cấp đăng ký doanh nghiệp

Sau khi nhận đơn xin đăng ký doanh nghiệp, cơ quan của ngành thương mại phải xem xét xem hoạt động kinh doanh của người nộp đơn có nằm trong Danh sách Hạn chế hay không. Nếu không nằm trong Danh sách này, cơ quan đăng ký của ngành thương mại phải xem xét đơn trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn.

Trường hợp hoạt động kinh doanh nằm trong Danh sách Hạn chế, cơ quan của ngành thương mại phải ngay lập tức trình lên cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan. Cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan phải xem xét và trả lời cho cơ quan ngành thương mại trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc, trừ trường hợp hoạt động kinh doanh đòi hỏi phải có kiểm tra kỹ thuật lâu hơn thời hạn này. Sau khi nhận được trả lời của cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan, cơ quan của ngành thương mại phải xem xét đơn trong thời hạn không quá 3 ngày làm việc.

Từ chối cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải bằng văn bản, có giải thích rõ ràng và hợp lý cho người nộp đơn;

Danh sách Hạn chế và thời hạn kiểm tra kỹ thuật nằm ngoài quy định nêu trong đoạn 2 của Điều 14 này do Chính phủ thông qua.

Điều 15: Đăng ký doanh nghiệp không hợp lệ

Đăng ký doanh nghiệp không hợp lệ có nghĩa một doanh nghiệp đã đăng ký nhưng có sai sót một phần hoặc toàn bộ về kiểu loại, hình thức doanh nghiệp hoặc sai sự thật cần phải sửa đổi. Có thể sửa những sai sót này. Trường hợp sai sót

không thể sửa, doanh nghiệp liên quan sẽ bị giải thể theo những thủ tục quy định trong Luật này.

Đăng ký doanh nghiệp cho một cá nhân bị luật pháp cấm hoặc vi phạm Luật này cũng không có giá trị.

Việc đăng ký doanh nghiệp không hợp lệ hoặc giải thể doanh nghiệp không miễn cho doanh nghiệp trách nhiệm thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp đó.

Điều 16: Hiệu lực của việc đăng ký doanh nghiệp

Việc đăng ký doanh nghiệp dẫn đến :

1. Công ty cổ phần hoặc công ty tách khỏi các nhà đầu tư của công ty, có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý trong phạm vi các mục đích kinh doanh và Điều lệ của công ty;

2. Doanh nghiệp có quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã quy định trong giấy đăng ký doanh nghiệp, không được tiến hành thêm bất kỳ hoạt động nào ngoài sự cho phép và kiểm tra của các cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan, trừ những hoạt động quy định trong Danh sách Hạn chế nêu trong đoạn 2 Điều 14 của Luật này;

3. Những lĩnh vực hoạt động đã đăng ký được giới thiệu và công bố với tất cả những người liên quan được nêu trong đoạn 1 Điều 19 của Luật này;

4. Tên doanh nghiệp được đăng ký và dùng cho nộp thuế thu nhập.

Điều 17: Hậu quả của việc không tiến hành kinh doanh

Trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp phải bắt đầu hoạt động. Trường hợp doanh nghiệp không tiến hành hoạt động trong thời hạn nêu trên hoặc có hoạt động nhưng thường xuyên ngừng một cách không hợp lý và không đóng thuế đầy đủ 12 tháng, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh liên quan phải yêu cầu doanh nghiệp giải trình. Nếu trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu mà không giải trình hoặc giải trình không hợp lý, doanh nghiệp liên quan sẽ bị coi là đã ngừng hoạt động và bị giải thể theo những thủ tục quy định trong Luật này.

Điều 18: Thay đổi những nội dung đã đăng ký

Sau khi đã đăng ký, việc thay đổi những nội dung đăng ký như mục đích kinh doanh hoặc số vốn phải được báo cáo với cơ quan cấp đăng ký liên quan trong vòng 01 tháng kể từ ngày những thay đổi được chấp thuận. Riêng những thay đổi liên quan tới hoạt động kinh doanh nằm trong Danh sách Âm sẽ được thực hiện phù hợp với đoạn 2 Điều 14 của Luật này.

Doanh nghiệp đăng ký sai nội dung hoạt động hoặc báo cáo những thay đổi muộn hơn quy định trong đoạn 1 của Điều 18 này, dù vô tình hay hữu ý, sẽ không được phép thực hiện những thay đổi không đúng này, cũng như không được miễn trách nhiệm thanh toán nợ đối với người ngoài.

Điều 19: Thông báo, công bố những nội dung đã đăng ký

Mọi cá nhân hoặc tổ chức đều có quyền được xem hoặc sao chép những tài liệu về đăng ký doanh nghiệp đã trình lên cơ quan cấp đăng ký. Những tài liệu này bao gồm tất cả các tài liệu mà doanh nghiệp trình để xin đăng ký như quy định trong Luật này. Cá nhân yêu cầu được sao chép tài liệu phải trả lệ phí theo quy định liên quan.

Những tài liệu khác, ngoài những tài liệu nêu trong đoạn 1 của Điều 19 này, chỉ được tiết lộ khi được phép của các doanh nghiệp liên quan, trừ khi luật pháp có quy định khác.

Điều 20: Vốn đăng ký

Vốn đăng ký của doanh nghiệp cá thể là vốn được chủ doanh nghiệp báo cáo với cơ quan đăng ký khi xin cấp đăng ký.

Vốn đăng ký của công ty cổ phần hoặc công ty là tổng giá trị cổ phần được quy định trong điểm 4 Điều 33 và điểm 4 Điều 81 của Luật này. Vốn đăng ký của công ty cổ phần hoặc công ty còn gọi là “vốn ban đầu”.

Cơ quan thuộc lĩnh vực liên quan có quyền quy định mức vốn đăng ký tối thiểu như một tiêu chí để đăng ký doanh nghiệp đối với một số hoạt động kinh doanh then chốt, nhưng phải được Chính phủ chấp thuận.

Vốn đăng ký phải chính xác. Nếu vốn đăng ký sai, người vi phạm phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

CHƯƠNG III

TÊN DOANH NGHIỆP

Điều 21: Chọn tên doanh nghiệp

Doanh nghiệp có thể sử dụng tên hoặc họ của một hoặc một vài người trong số những người đầu tư liên doanh hoặc sử dụng một tên khác đã được đồng ý để làm tên của mình. Nếu có nhiều doanh nghiệp đăng ký trùng tên, thì doanh nghiệp nào đăng ký tên đầu tiên được quyền ưu tiên sử dụng tên đó. Tên của doanh nghiệp

được viết với hình thức hoặc kiểu loại đặc thù của doanh nghiệp thì phải luôn luôn bao gồm tên của hình thức hoặc kiểu loại đó.

Quyền ưu tiên về tên đăng ký sẽ không có hiệu lực nếu việc đăng ký đó chưa được vào sổ đăng ký.

Sau khi đã đăng ký vào sổ, doanh nghiệp phải niêm yết thông báo biển hiệu tên doanh nghiệp.

Điều 22: Những tên doanh nghiệp bị cấm

Những tên mà doanh nghiệp bị cấm sử dụng hoặc không thể đăng ký gồm :

1. Tên tối nghĩa, trùng hoặc giống với tên các doanh nghiệp khác trong cùng một tỉnh hoặc với tên đã nổi tiếng của doanh nghiệp khác;
2. Tên trái với đạo đức văn hoá dân tộc, trái với trật tự công cộng;
3. Tên giống với tên của một quốc gia, tổ chức quốc tế, di tích văn hoá, lịch sử tiêu biểu của quốc gia;
4. Tên trùng hoặc giống với tên của doanh nghiệp có cùng hình thức hoặc kiểu loại.

Điều 23: Cho phép người khác sử dụng tên hoặc giấy đăng ký doanh nghiệp

Cho phép người khác sử dụng tên hoặc giấy đăng ký doanh nghiệp phải có hợp đồng làm bằng văn bản và phù hợp với Luật Hợp đồng của Cộng hoà Dân chủ Nhân Dân Lào.

Trường hợp cho phép sử dụng tên hoặc giấy đăng ký doanh nghiệp mà không có hợp đồng bằng văn bản, nhưng có bằng chứng để tin rằng doanh nghiệp liên quan biết việc cho phép sử dụng tên hoặc giấy đăng ký doanh nghiệp của mình mà không phản đối gì, hoặc ủng hộ thì việc cho phép sử dụng tên hoặc giấy đăng ký doanh nghiệp này được coi có giá trị.

Điều 24: Trách nhiệm đối với việc cho phép người khác sử dụng tên hoặc đăng ký doanh nghiệp

Người nào cho phép người khác sử dụng tên hoặc đăng ký doanh nghiệp của mình phải chịu trách nhiệm đối với những người thứ ba như quy định trong hợp đồng hoặc trong Luật này.

Người nào uỷ nhiệm cho người thiếu năng sử dụng tên hoặc đăng ký doanh nghiệp của mình thì phải chịu trách nhiệm về việc uỷ nhiệm này.

Người nào cho phép những người bị luật pháp cấm, sử dụng tên hoặc đăng ký của mình thì phải cùng chịu trách nhiệm đối với hành vi của những người hoặc pháp nhân bị luật pháp cấm này.

Cấm công ty quốc doanh cho người khác sử dụng tên và đăng ký doanh nghiệp của mình. Nếu vi phạm, phải chịu trách nhiệm đối với các bên ngoài.

Điều 25: Nhượng tên doanh nghiệp và những điều cấm trong nhượng tên doanh nghiệp

Doanh nghiệp có thể nhượng tên trong những trường hợp sau :

1. Chuyển nhượng đồng thời với tất cả các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, kể cả các quyền và nghĩa vụ;
2. Doanh nghiệp giải thể theo đúng thủ tục.

Sau khi tiến hành chuyển nhượng đúng thủ tục như nêu trong điểm 1 Điều 25 này, doanh nghiệp nhượng lại tên phải thông báo cho các chủ nợ và con nợ biết trong vòng 60 ngày và cho cơ quan cấp đăng ký doanh nghiệp biết trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày chuyển nhượng.

Trong bất kỳ trường hợp nào, kể cả khi doanh nghiệp nhượng tên nắm độc quyền thị trường, việc nhượng tên doanh nghiệp không đúng thủ tục đều bị cấm. Nếu vi phạm, cả người chuyển nhượng lẫn người được chuyển nhượng đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Cấm nhượng tên của công ty quốc doanh cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khác.

Điều 26: Ngừng tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp sẽ ngừng sử dụng khi doanh nghiệp bị giải thể. Chủ doanh nghiệp phải tháo dỡ mọi biển hiệu có ghi tên doanh nghiệp trong vòng 7 ngày kể từ ngày thông báo ngừng tên doanh nghiệp.

Hoạt động kinh doanh của cá nhân hay pháp nhân sử dụng tên đã bị ngừng hoặc đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp đã bị giải thể bị coi là hoạt động không có đăng ký kinh doanh.

PHẦN BA

DOANH NGHIỆP CÁ THỂ

Điều 27: Đơn xin đăng ký doanh nghiệp

Người nào muốn thành lập doanh nghiệp cá thể phải nộp đơn theo mẫu với những nội dung cơ bản sau :

1. Tên doanh nghiệp và ngành nghề kinh doanh;

2. Tên, địa chỉ và quốc tịch của chủ doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp;
3. Địa điểm của doanh nghiệp;
4. Vốn đăng ký.

Điều 28: Quyền và nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp

Chủ doanh nghiệp có các quyền và nghĩa vụ sau :

1. Quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc uỷ quyền cho người khác quản lý;
2. Tự quyết định việc sử dụng lợi nhuận và những vấn đề khác của doanh nghiệp;
3. Tuân thủ những quy định về tài chính, kế toán nêu trong Luật Kế toán, tài chính Doanh nghiệp;
4. Tuân thủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước;
5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Điều 29: Giám đốc

Giám đốc doanh nghiệp cá thể có thể là chủ doanh nghiệp hoặc có thể thuê một hoặc nhiều người ngoài. Giám đốc làm thuê được nhận thù lao theo thỏa thuận với chủ doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp cá thể có nhiều giám đốc có thể cho phép một người trong số họ được quyền thay mặt công ty xem xét và ký các hợp đồng với bên ngoài. Người này được gọi là “Tổng giám đốc”. Hình thức này cũng được áp dụng với giám đốc của công ty hợp danh và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Giám đốc điều hành công việc trong phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ nêu trong hợp đồng thuê và dưới sự giám sát của chủ doanh nghiệp.

Điều 30: Hợp đồng thuê giám đốc

Hợp đồng thuê giám đốc phải được làm thành văn bản như Luật Hợp đồng quy định. Hợp đồng phải gồm những nội dung chi tiết liên quan tới quyền, nghĩa vụ, tiền lương và trách nhiệm của các bên và thời hạn kết thúc hợp đồng.

Quan hệ giữa chủ doanh nghiệp, giám đốc làm thuê và bên ngoài dựa trên các luật liên quan.

Điều 31: Giải thể và thanh lý

Doanh nghiệp cá thể có thể giải thể trong các trường hợp sau :

1. Chủ doanh nghiệp quyết định giải thể;
2. Toà án ra quyết định giải thể;
3. Phá sản;
4. Chủ doanh nghiệp chết hoặc bị mất hoàn toàn khả năng nhưng không có người thừa kế.

Trường hợp chủ doanh nghiệp cá thể quyết định tự giải thể, chủ doanh nghiệp phải tự thanh lý hoặc chỉ định người khác đứng ra thanh lý. Nếu giải thể theo quyết định của toà án hoặc do phá sản, việc chỉ định người thanh lý sẽ do toà án quyết định.

PHẦN BỐN
CÔNG TY CỔ PHẦN
CHƯƠNG I
NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

Điều 32: Thành viên của công ty cổ phần

Người đầu tư vào công ty cổ phần được gọi là “thành viên” (hoặc “cổ đông”).

Thành viên của công ty cổ phần có thể là cá nhân hoặc pháp nhân.

Điều 33: Hợp đồng thành lập công ty cổ phần

Hợp đồng thành lập công ty cổ phần phải làm bằng văn bản và phù hợp với Luật Hợp đồng của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Hợp đồng phải bao gồm những nội dung chính sau :

1. Tên doanh nghiệp;
2. Mục đích kinh doanh;
3. Tên, địa chỉ của trụ sở chính và của tất cả các chi nhánh (nếu có chi nhánh);
4. Vốn khai báo hoặc giá trị cổ phần góp bằng tiền mặt, bằng hiện vật hoặc bằng sức lao động;
5. Tên, địa chỉ và quốc tịch của các thành viên;
6. Tên và chữ ký của các thành viên;

Vốn khai báo nêu trong điểm 4 của Điều 33 này là vốn đăng ký của công ty cổ phần.

Điều 34: Tư cách pháp nhân của công ty cổ phần

Tư cách pháp nhân của công ty cổ phần gồm :

1. Tên và quốc tịch của công ty;
2. Địa chỉ các văn phòng kinh doanh chính, kể cả các văn phòng chi nhánh (nếu có);
3. Tài sản và vốn;
4. Điều lệ công ty;
5. Trách nhiệm pháp lý theo kiểu loại công ty cổ phần;
6. Khả năng pháp lý của công ty trong việc thực thi các quyền và nghĩa vụ của mình, và khi kiện hoặc bị kiện, có thể tiến hành theo các thủ tục pháp lý tương tự như một cá nhân thông thường.

Điều 35: Chi nhánh của công ty cổ phần

Đối với công ty cổ phần thành lập tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, việc lập chi nhánh không cần phải đăng ký và chi nhánh không có tư cách pháp nhân tách riêng với công ty cổ phần.

Văn phòng chi nhánh được đặt tại một địa điểm rõ ràng và phải được công ty thông báo với cơ quan đăng ký liên quan.

Công ty cổ phần nước ngoài có ý định thành lập chi nhánh tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào phải đăng ký doanh nghiệp như quy định trong Luật này.

Công ty cổ phần Lào mở chi nhánh ở nước ngoài thì áp dụng luật của nước sở tại liên quan.

Khi chi nhánh của một pháp nhân bị kiện thì pháp nhân đó là người bị kiện. Điều khoản này áp dụng cho pháp nhân nước ngoài có chi nhánh tại Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Điều 36: Điều lệ của công ty cổ phần

Điều lệ của công ty cổ phần phải bao gồm những nội dung chính sau :

1. Các nội dung đã nêu trong các điểm từ 1 đến 5 Điều 33 của Luật này;
2. Tên, địa chỉ và quốc tịch của giám đốc. Trường hợp giám đốc không phải là cổ đông của công ty (giám đốc làm thuê), [điều lệ] có thể quy định những hạn chế đối với các quyền của giám đốc;
3. Phương thức phân chia cổ tức và trách nhiệm trong thua lỗ;

4. Phương thức và thời gian góp cổ phần;
5. Hệ thống quản lý;
6. Các hội nghị, họp hành và phương thức bỏ phiếu;
7. Phương thức giải quyết tranh chấp;
8. Giải thể và thanh lý.

Các nội dung nêu trong điểm 1 Điều 36 này phải được nêu trong đơn xin đăng ký doanh nghiệp. Ngoài ra, công ty cũng có thể ghi thêm trong đơn những nội dung khác.

Điều lệ của công ty cổ phần phải có chữ ký của giám đốc công ty.

Điều 37: Thay đổi hợp đồng thành lập và Điều lệ

Thay đổi hợp đồng thành lập và Điều lệ của công ty cổ phần phải được toàn bộ thành viên nhất trí, ngoại trừ có thoả thuận khác.

Nghị quyết của hội nghị về sửa đổi hợp đồng thành lập hoặc Điều lệ phải được đăng ký vào sổ tại cơ quan cấp đăng ký liên quan trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nghị quyết sửa đổi được thông qua.

CHƯƠNG II

CÔNG TY CỔ PHẦN PHỔ THÔNG

A. Đăng ký doanh nghiệp và các quan hệ nội bộ của công ty cổ phần phổ thông

Điều 38: Đơn xin đăng ký doanh nghiệp

Đơn xin đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần phổ thông phải bao gồm những hồ sơ sau :

1. Đơn xin đăng ký doanh nghiệp;
2. Hợp đồng thành lập công ty cổ phần có tên và chữ ký của tất cả các thành viên;
3. Tên, địa chỉ và quốc tịch của giám đốc công ty, nếu giám đốc không phải là cổ đông của công ty (giám đốc làm thuê);
4. Điều lệ của công ty;

Đơn xin đăng ký doanh nghiệp phải có chữ ký của giám đốc công ty.

Điều 39: Góp vốn

Vốn của công ty cổ phần là từ những đóng góp của các thành viên. Có thể góp vốn bằng tiền mặt, bằng hiện vật hoặc bằng sức lao động.

Vốn góp bằng hiện vật hoặc sức lao động phải được đánh giá quy ra tiền mặt. Không được ghi giá trị vốn đóng góp bằng công sức vào phiếu quyết toán thu chi của công ty cổ phần phổ thông.

Phương thức và thời hạn góp cổ phần nêu trong đoạn 1 của Điều 39 này do tất cả các thành viên quyết định. Trước khi đăng ký, các thành viên phải góp đầy đủ cổ phần đã thoả thuận.

Ngoài phần vốn quy định trong đoạn 1 Điều 39 này, các thành viên của công ty cổ phần phổ thông có thể góp tài sản cá nhân riêng cho các hoạt động kinh doanh của công ty theo thoả thuận.

Việc sử dụng vốn nêu trong đoạn 4 của Điều 39 này, kể cả việc thanh toán nợ và chia lợi nhuận, phải được sự nhất trí tán thành của toàn bộ các thành viên.

Điều 40: Cổ phần

Các cổ phần của công ty cổ phần phổ thông không nhất thiết phải bằng nhau về giá trị hoặc quy mô.

Khi cổ phần đã được góp đủ như nêu trong đoạn 3 Điều 39 của Luật này, công ty cổ phần phổ thông phải phát hành trái phiếu cho tất cả các cổ đông theo đóng góp của họ.

Trái phiếu của công ty cổ phần phổ thông không thể chuyển nhượng.

Điều 41: Giám đốc

Mọi cổ đông của công ty cổ phần phổ thông đều có quyền trở thành Giám đốc hoặc bổ nhiệm một hoặc nhiều cổ đông làm Giám đốc.

Giám đốc là một bộ phận của công ty cổ phần phổ thông và các cổ đông khác. Giám đốc không có lương hoặc thưởng cho việc thực thi các nhiệm vụ của mình, trừ khi có thoả thuận khác.

Có thể bổ nhiệm Giám đốc công ty cổ phần phổ thông từ người ngoài công ty. Giám đốc được bổ nhiệm từ người ngoài công ty có thể có lương hoặc thưởng theo thoả thuận của các thành viên.

Điều 42: Bổ nhiệm hoặc cách chức Giám đốc

Việc bổ nhiệm hoặc cách chức Giám đốc phải được toàn bộ cổ đông nhất trí, trừ phi có thoả thuận khác. Mỗi cổ đông có quyền bỏ một phiếu.

Cổ đông được chọn để bầu làm Giám đốc hoặc bị cách chức Giám đốc không có quyền bỏ phiếu.

Điều 43: Quyền và nhiệm vụ của Giám đốc

Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

1. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm vì lợi ích của công ty một cách trung thành;
2. Thi hành các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ công ty;
3. Sử dụng những người ngoài công ty để giúp đỡ hoạt động điều hành và kinh doanh của công ty theo đúng trách nhiệm của giám đốc;

Trường hợp có nhiều Giám đốc, việc điều hành công ty cổ phần phổ thông phải dựa trên đa số phiếu hoặc có thể theo thoả thuận nêu trong Điều lệ. Mỗi phiếu của một cổ đông có giá trị ngang nhau.

Trường hợp chỉ có một giám đốc thì giám đốc có quyền tự điều hành quản lý công ty, trừ những hạn chế đã quy định về quyền hành của giám đốc.

Những hạn chế nêu trong đoạn 3 của Điều 43 này không có hiệu lực với Giám đốc là người bên ngoài công ty nếu những hạn chế đó không được ghi trong đăng ký doanh nghiệp.

Điều 44: Quyền và nhiệm vụ của cổ đông

Cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau :

1. Được thông tin về toàn bộ tình hình kinh doanh của công ty vào mọi thời điểm;
2. Kiểm tra hoặc sao chụp sổ sách kế toán và những tài liệu khác của công ty;
3. Hưởng cổ tức và chịu những khoản lỗ như đã thoả thuận;
4. Chịu trách nhiệm vô hạn đối với những khoản nợ của công ty;
5. Được quyền phủ quyết và phản đối, nếu quyền này đã được thoả thuận, nhưng chi tiết và phương pháp thực hiện phải do Điều lệ quy định;
6. Nhận lại phần vốn đã góp và lợi nhuận như đã thoả thuận, khi công ty giải thể.

Điều 45: Kết nạp thành viên mới và chuyển nhượng cổ phần

Công ty cổ phần phổ thông không có quyền kết nạp thành viên mới và mọi thành viên đều không thể chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ khi có thoả thuận khác.

Việc kết nạp thành viên mới hoặc chuyển nhượng cổ phần, nếu được chấp thuận, phải được toàn bộ cổ đông nhất trí thông qua.

Có thể kết nạp thành viên mới bằng cách chuyển nhượng cổ phần cho người ngoài công ty hoặc bằng cách cho phép người ngoài công ty mua những cổ phần mới phát hành.

Khi kết nạp thành viên mới hoặc chuyển nhượng cổ phần, công ty cổ phần phổ thông phải thông báo cho cơ quan cấp đăng ký liên quan biết, không muộn hơn 5 ngày làm việc, kể từ ngày kết nạp hoặc chuyển nhượng.

Công ty cổ phần phổ thông có thể giải thể, nếu chỉ một cổ đông rời bỏ qua việc chuyển nhượng cổ phần của mình, hoặc vì những lý do khác.

Trường hợp tên doanh nghiệp của công ty cổ phần phổ thông được tạo thành từ nhiều tên của các cổ đông, công ty có quyền xoá tên của cổ đông đã rời công ty khỏi tên công ty.

Điều 46: Những hoạt động quản lý hoặc kinh doanh bị cấm đối với các cổ đông

Cấm cổ đông của công ty cổ phần phổ thông có các hoạt động quản lý hoặc kinh doanh cạnh tranh với công ty.

Các hoạt động quản lý hoặc kinh doanh được coi là cạnh tranh với công ty gồm:

1. Kinh doanh giống với những mục tiêu của công ty với danh nghĩa công ty;
2. Kinh doanh giống với những mục tiêu của công ty với danh nghĩa một người khác như nhà quản lý hoặc giám đốc của một doanh nghiệp khác;
3. Là thành viên của một công ty cổ phần phổ thông hoặc công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn khác nhưng lại có trách nhiệm vô hạn;

Khi có bất kỳ vi phạm nào về những quy định nêu tại Điều 46 này, công ty cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu bồi thường mọi thiệt hại do những hoạt động quản lý hoặc kinh doanh của cổ đông gây ra, hoặc có quyền tiến hành các thủ tục pháp lý để giải thể công ty.

Điều 47: Những ngoại lệ về quy định hạn chế

Những hạn chế quy định tại Điều 46 của Luật này có thể có ngoại lệ nếu:

1. Tất cả mọi cổ đông đều nhất trí thông qua;
2. Không có phản đối đối với những hoạt động quản lý hoặc kinh doanh của cổ đông đã được thực hiện trước khi người này gia nhập công ty.

B. Các quan hệ bên ngoài của công ty cổ phần phổ thông

Điều 48: Trách nhiệm về nợ

Mỗi cổ đông của công ty cổ phần phổ thông đều có trách nhiệm đối với những khoản nợ của công ty. Khi công ty cổ phần phổ thông không có khả năng thanh toán các khoản nợ, chủ nợ có quyền yêu cầu từng cổ đông công ty trả.

Tất cả các cổ đông có thể thoả thuận về tỷ lệ của mỗi cổ đông đối với số nợ hoặc thua lỗ của công ty nhưng thoả thuận này không có hiệu lực với người ngoài.

Cổ đông của công ty cổ phần phổ thông thường phải chịu trách nhiệm về những khoản nợ của công ty khi :

1. Nợ nảy sinh từ việc thực thi nhiệm vụ của giám đốc điều hành hoặc của các cổ đông khác trong phạm vi Điều lệ công ty;
2. Nợ nảy sinh từ việc thực thi nhiệm vụ để đạt mục tiêu của công ty và việc thực thi này đã được tất cả các cổ đông thông qua.

Điều 49: Quyền hưởng lợi nhuận

Tất cả các cổ đông đều có quyền hưởng lợi nhuận của công ty thu được từ mối quan hệ với các đối tác bên ngoài công ty, bất kể lợi nhuận thu được với danh nghĩa công ty hay không.

Điều 50: Trách nhiệm của cổ đông đối với các khoản nợ của công ty cổ phần khi gia nhập hoặc rời bỏ công ty

Cổ đông rời bỏ công ty cổ phần phổ thông phải chịu trách nhiệm về những khoản nợ của công ty đã có trước khi cổ đông rời công ty.

Những khoản nợ này sẽ kết thúc trong vòng 1 năm kể từ ngày cổ đông được chấp nhận rời bỏ công ty, trừ khi có thoả thuận khác quy định thời gian nợ dài hơn.

Cổ đông mới gia nhập phải chịu trách nhiệm với toàn bộ các khoản nợ của công ty, trừ khi có thoả thuận khác nhưng thoả thuận này không có hiệu lực với người ngoài công ty.

C. Hợp nhất, sáp nhập công ty cổ phần phổ thông

Điều 51: Hợp nhất, sáp nhập công ty cổ phần phổ thông

Công ty cổ phần phổ thông có thể sáp nhập với một hoặc nhiều công ty cổ phần khác để mở rộng hoặc để trở thành một công ty cổ phần phổ thông mới.

Công ty cổ phần phổ thông chỉ có thể hợp nhất, sáp nhập với các điều kiện sau :

1. Có bỏ phiếu nhất trí của Đại hội cổ đông của công ty đã hợp nhất, trừ khi có thoả thuận khác. Quyết định về hợp nhất phải được đăng ký với cơ quan đăng ký trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định đó;
2. Đã thông báo cho các chủ nợ biết, thông qua phương tiện thông tin đại chúng thích hợp, ít nhất 1 lần trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày có

quyết định hợp nhất. Các chủ nợ không phản đối hoặc không trả lời trong vòng 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo về việc hợp nhất.

Điều 52: Phản đối hợp nhất, sáp nhập và hiệu lực của việc hợp nhất, sáp nhập

Công ty cổ phần phổ thông không thể hợp nhất, sáp nhập nếu bị chủ nợ phản đối, trừ khi các khoản nợ đối với chủ nợ đó đã được thanh toán xong.

Hợp nhất, sáp nhập công ty cổ phần phổ thông không phải là hành động giải thể doanh nghiệp, do vậy việc này không dẫn đến việc doanh nghiệp đã hợp nhất ngừng thực hiện các quyền và nghĩa vụ trước đây của mình.

D. Giải thể công ty cổ phần phổ thông

Điều 53: Lý do giải thể

Công ty cổ phần phổ thông có thể giải thể vì một trong ba lý do sau : theo thoả thuận của các cổ đông, theo phán quyết của toà án, hoặc theo quyết định của pháp luật.

Giải thể công ty cổ phần phổ thông, vì bất kỳ lý do nào, đều phải được đăng ký giải thể tạm thời với cơ quan đăng ký trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lý do giải thể.

Điều 54: Giải thể theo thoả thuận của cổ đông

Công ty cổ phần phổ thông có thể giải thể bất kỳ lúc nào với thoả thuận nhất trí của tất cả các cổ đông.

Điều 55: Giải thể theo phán quyết của toà án

Bất kỳ cổ đông nào cũng có thể đề nghị toà án xem xét giải thể công ty cổ phần phổ thông khi :

1. Công ty đang kinh doanh thua lỗ mà không thể vượt qua;
2. Trường hợp bất khả kháng khiến công ty không thể tiếp tục hoạt động;
3. Cổ đông bị lừa hoặc bị buộc trở thành cổ đông;
4. Có cổ đông nào đó đã vi phạm hoặc đang cố tình vi phạm hợp đồng thành lập công ty hoặc Điều lệ công ty, hoặc có sai sót dẫn tới thiệt hại nghiêm trọng cho công ty.

Cổ đông gây ra những vấn đề nêu trên không được yêu cầu toà giải thể công ty.

Các cổ đông có thể yêu cầu toà ra lệnh cổ đông gây ra những vấn đề nói trên phải bồi thường thiệt hại hoặc ngừng tư cách thành viên của cổ đông này thay vì ra lệnh giải thể công ty. Nếu cổ đông đó mất tư cách thành viên, công ty chia tài sản cho cổ

đồng này với giá thị trường vào thời điểm tài sản được phân chia sau khi khấu trừ giá trị những thiệt hại mà cổ đông đó đã gây ra, trừ khi các cổ đông có thoả thuận khác.

Điều 56: Giải thể theo pháp luật

Công ty cổ phần phổ thông có thể giải thể với một trong những cơ sở pháp lý sau :

1. Giải thể theo quy định của hợp đồng thành lập hoặc theo Điều lệ của công ty;
2. Công ty chỉ còn duy nhất một cổ đông;
3. Một cổ đông nào đó qua đời, phá sản hoặc mất năng lực hành vi, trừ khi có thoả thuận khác;
4. Giải thể theo quy định trong Chương II và III Phần Hai của Luật này.

Trường hợp có cổ đông qua đời khi công ty chưa giải thể thì người thừa kế của cổ đông đó có đầy đủ quyền về phân chia lợi nhuận hoặc tài sản của cổ đông quá cố.

Điều 57: Hiệu lực của giải thể tạm thời

Việc công ty cổ phần phổ thông giải thể tạm thời sẽ có những hiệu lực sau :

1. Quyền khiếu nại, đề nghị của các cổ đông tạm thời chấm dứt;
2. Trách nhiệm của cổ đông đối với những cổ phần chưa góp không ngừng lại;
3. Công ty tạm ngừng các thanh toán, và những khoản nợ chưa đến hạn của công ty nay được coi đã đến hạn;
4. Công ty không có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh nhưng tư cách pháp nhân của công ty vẫn được duy trì cho tới khi công ty nhận được thông báo giải thể chính thức và rút vĩnh viễn giấy đăng ký doanh nghiệp, để công ty hoàn tất những công việc còn dở dang và tiến hành thanh lý.

E. Thanh lý công ty cổ phần phổ thông

Điều 58: Phương thức thanh lý

Các cổ đông có thể thoả thuận chọn phương thức phân chia hoặc thanh lý như Điều lệ công ty quy định hoặc theo thoả thuận giữa họ với nhau, trừ trường hợp giải thể do phá sản, theo quyết định của toà án hoặc do công ty chỉ còn một cổ đông.

Điều 59: Bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm thanh lý viên

Việc thanh lý công ty cổ phần phổ thông có thể do giám đốc công ty hoặc tất cả các cổ đông cùng thực hiện với tư cách thanh lý viên hoặc có thể bổ nhiệm một cổ đông hoặc một người ngoài công ty làm thanh lý viên. Việc bổ nhiệm này phải được các cổ đông bỏ phiếu nhất trí.

Trường hợp không bỏ phiếu nhất trí được như quy định trong phần trên của Điều 59 này, các cổ đông có thể yêu cầu toà án bổ nhiệm thanh lý viên.

Thanh lý viên được bổ nhiệm như quy định trong Điều 59 và Điều 60 của Luật này có thể bị bãi nhiệm cũng theo như cách thức được bổ nhiệm.

Điều 60: Toà án bổ nhiệm thanh lý viên

Trường hợp doanh nghiệp giải thể do phá sản, hoặc do công ty chỉ còn một cổ đông, thì toà án quyết định việc bổ nhiệm thanh lý viên.

Trường hợp giải thể do có một cổ đông qua đời, những người thừa kế của cổ đông quá cố đó có quyền trở thành thanh lý viên hoặc cùng trở thành thanh lý viên với các cổ đông khác. Trường hợp có nhiều người thừa kế thì cử một người trong số họ đứng ra đại diện làm thanh lý viên.

Điều 61: Bổ nhiệm thay thế

Trường hợp thanh lý viên được bổ nhiệm không thể thực hiện nhiệm vụ vì những lý do như : qua đời, mất khả năng, thì tất cả các cổ đông sẽ cùng thực hiện công việc của thanh lý viên cho tới khi bổ nhiệm được thanh lý viên mới.

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ của thanh lý viên, công ty cổ phần phổ thông phải thông báo việc bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc hết nhiệm kỳ trên cho công chúng biết như quy định trong các Điều 59, 60 và 61 của Luật này.

Điều 62: Quyền và nhiệm vụ của thanh lý viên

Trong trường hợp công ty cổ phần phổ thông giải thể, thanh lý viên có các quyền và nhiệm vụ sau :

1. Thông báo bằng văn bản việc công ty giải thể cho các chủ nợ biết để họ đòi nợ hoặc thông báo cho công chúng biết thông qua phương tiện thông tin đại chúng thích hợp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày có lý do giải thể;

2. Tập hợp tất cả các tài sản và lập bản thống kê tài sản và giấy tờ, sổ sách tài chính, kế toán;

3. Tiếp tục hoàn tất thanh toán các công việc kinh doanh còn dở dang;

4. Được công ty trả tiền làm việc theo thoả thuận;

5. Có các biện pháp cần thiết để bảo vệ tài sản, để thu hồi được tất cả các khoản nợ, và bán hoặc chuyển nhượng tài sản của công ty;

6. Nộp sổ sách tài chính, kế toán cho kiểm toán viên để kiểm soát viên xem xét, chấp nhận tính xác thực của những tài liệu này;

7. Báo cáo về những tài sản đã tập hợp được và kết quả công việc cho các chủ nợ liên quan, cho các cổ đông hoặc toà án trong trường hợp thanh lý viên do toà án bổ nhiệm;

8. Triệu tập cuộc họp các chủ nợ và cổ đông ít nhất 6 tháng một lần để thông qua hoặc ra quyết định cho những vấn đề quan trọng;

9. Thực hiện các nhiệm vụ mà cuộc họp cổ đông và các chủ nợ đã giao;

10. Hàng quý nộp báo cáo sổ sách tài chính cho cơ quan đăng ký;

11. Thanh toán cho các chủ nợ và phân chia tiền lời cho các cổ đông;

12. Làm nhiệm vụ điều đình hoặc tổ tụng tại toà án với danh nghĩa của công ty;

13. Báo cáo với cổ đông hoặc toà án (trường hợp thanh lý viên do toà bổ nhiệm) nếu thấy tài sản của công ty, gồm cả của các cổ đông, không đủ để thanh toán nợ. Trường hợp công ty không thể trả hết nợ, thanh lý viên có thể đề nghị toà án ra phán quyết phá sản công ty.

Sau khi toà án ra quyết định doanh nghiệp phá sản như nêu trong điểm 13 nói trên, sẽ tiến hành thủ tục phá sản theo Luật Doanh nghiệp Phá sản. Trong trường hợp này, các quyền và nhiệm vụ của thanh lý viên sẽ kết thúc và tất cả nhiệm vụ thanh lý được chuyển sang cho uỷ ban tịch biên tài sản.

Điều 63: Nhiều thanh lý viên cùng thực hiện nhiệm vụ

Khi có nhiều thanh lý viên, công việc thanh lý sẽ được thực hiện trên cơ sở đa số phiếu trong đó mỗi người một phiếu, trừ trường hợp mỗi thanh lý viên được giao một nhiệm vụ khác nhau. Việc bổ nhiệm các thanh lý viên phải được thông báo với cơ quan đăng ký trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày bổ nhiệm.

Những quy định hạn chế đối với thanh lý viên không có hiệu lực đối với người ngoài.

Điều 64: Thứ tự ưu tiên trong việc trả và phân chia nợ

Việc thanh toán và phân chia các khoản nợ được tiến hành theo thứ tự ưu tiên như sau :

1. Lương cho người lao động;

2. Các khoản nợ của Nhà nước mà không nảy sinh từ hợp đồng giữa Nhà nước và cá nhân như quy định trong đoạn 4 của Luật An ninh;

3. Các khoản nợ được bảo đảm;

4. Các khoản nợ không được bảo đảm;

5. Các khoản nợ của công ty đối với cổ đông được nêu trong đoạn 4 và 5 Điều 39 của Luật này;

6. Phân chia lợi nhuận hoặc phần thua lỗ giữa các cổ đông;

7. Hoàn vốn đóng góp cho cổ đông nhưng vốn góp bằng sức lao động không được hoàn lại, trừ khi có hợp đồng giữa các cổ đông vào thời điểm góp vốn trong đó thoả thuận sẽ hoàn vốn đóng góp bằng sức lao động.

Điều 65: Nhiệm vụ của thanh lý viên sau thanh lý

Sau khi hoàn thành công việc thanh lý, thanh lý viên phải :

1. Chuẩn bị tổng kết và báo cáo sơ lược về phân chia tài sản, về thanh toán nợ và nhanh chóng nộp các báo cáo tổng kết này cho hội nghị các chủ nợ và cổ đông để thông qua;

2. Thông báo cho công chúng biết về kết quả phân chia tài sản và thanh toán nợ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong phân chia tài sản và thanh toán nợ;

3. Giao lại toàn bộ hồ sơ về thanh lý cho công ty liên quan và đăng ký vào sổ việc hoàn thành công việc thanh lý với cơ quan đăng ký của doanh nghiệp.

Điều 66: Trách nhiệm của thanh lý viên

Thanh lý viên phải chịu trách nhiệm về những hành vi của mình như sau :

1. Hành vi gây thiệt hại cho công ty hoặc người ngoài công ty một cách cố ý hoặc do sai sót nghiêm trọng khi thực thi nhiệm vụ. Sai sót nghiêm trọng là từ chối hành động hoặc vẫn hành động khi biết hành động đó là sai lầm hoặc khi đã biết rõ những hậu quả tai hại của hành động đó.

2. Cư xử với người được uỷ quyền và người ngoài như quy định trong luật liên quan.

Điều 67: Thông báo giải thể và rút vĩnh viễn đăng ký doanh nghiệp

Thanh lý viên phải thông báo việc giải thể vĩnh viễn của công ty cổ phần phổ thông cho cơ quan đăng ký liên quan trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo cho công chúng biết như nêu trong điểm 2 Điều 65 Luật này.

Cơ quan đăng ký liên quan phải xoá tên doanh nghiệp khỏi sổ đăng ký doanh nghiệp như nêu trong đoạn 1 nói trên và thông báo việc xoá tên này cho công chúng biết trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày xoá tên doanh nghiệp.

Tư cách pháp nhân của công ty cổ phần phổ thông sẽ chấm dứt kể từ ngày toà án ra quyết định giải thể chính thức.

Giải thể do phá sản hoặc hợp nhất, sáp nhập thì không cần phải đăng ký.

Điều 68: Trách nhiệm của các cổ đông công ty cổ phần phổ thông đối với các khoản nợ của công ty

Tất cả các cổ đông phải cùng liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ của công ty cổ phần phổ thông trong thời gian 3 năm kể từ ngày toà án ra quyết định chính thức giải thể công ty.

Trong trường hợp công ty giải thể theo quyết định của toà án như nêu trong đoạn 1 nói trên, toà án có quyền bổ nhiệm thanh lý viên để thực hiện việc thanh lý cho tới khi các khoản nợ được thanh toán hết.

CHƯƠNG III

CÔNG TY CỔ PHẦN TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

A. Những nguyên tắc chung và đăng ký doanh nghiệp

Điều 69: Trách nhiệm về các khoản nợ của các cổ đông

Cổ đông chung chịu trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn.

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn chịu trách nhiệm về những khoản nợ của công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn không vượt quá phần góp vốn của họ.

Trong thời gian thành lập khi công ty chưa đăng ký doanh nghiệp, tất cả các cổ đông của công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn đều phải chịu trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của công ty.

Điều 70: Thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Thủ tục đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn như quy định tại Điều 38 của Luật này.

**B. Quan hệ của cổ đông trách nhiệm hữu hạn với công ty
và người ngoài công ty**

Điều 71: Góp vốn

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn có thể góp vốn vào công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn bằng tiền mặt hoặc hiện vật; nhưng không được phép góp vốn bằng sức lao động. Các cổ phần của công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn không nhất thiết phải có giá trị bằng nhau.

Phương thức và thời gian góp vốn thực hiện theo quyết định của tất cả các cổ đông trong công ty.

Điều 72: Chuyển nhượng cổ phần

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn có thể chuyển nhượng cổ phần của mình mà không cần phải được sự đồng ý của các cổ đông khác. Việc chuyển nhượng các cổ phần có thể có hiệu lực với người ngoài công ty nếu được thông báo và đăng ký với cơ quan đăng ký.

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn có thể giải quyết các vấn đề về cổ phần theo những quy định sau :

1. Đối với cổ đông qua đời, những người thừa kế của cổ đông quá cố có quyền thay thế cổ đông đó, trừ trường hợp có thoả thuận khác;

2. Đối với cổ đông bị phá sản, cổ phần của cổ đông này sẽ được bán và giao cho uỷ ban thanh lý như Luật Phá sản Doanh nghiệp quy định. Việc bán cổ phần của cổ đông phá sản dẫn tới việc xoá bỏ tư cách thành viên của cổ đông đó; tuy nhiên, công ty vẫn tồn tại để tiếp tục các hoạt động của mình;

3. Đối với cổ đông mất khả năng, người bảo vệ quyền lợi của cổ đông này sẽ chịu trách nhiệm quản lý các quyền lợi của cổ đông đó, trừ khi trước đó có thoả thuận khác.

Điều 73: Trách nhiệm của cổ đông trách nhiệm hữu hạn trong quản lý công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn không có quyền làm giám đốc điều hành như cổ đông chung, trừ khi được cổ đông chung bổ nhiệm.

Trường hợp cổ đông trách nhiệm hữu hạn làm việc như giám đốc điều hành mà không được bổ nhiệm thì có thể có những hậu quả sau :

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về thiệt hại mà hành vi của cổ đông đó đã gây cho doanh nghiệp và người ngoài;

2. Trường hợp hành vi đó đã được công ty ủng hộ, tán thành hoặc giao thực hiện, hoặc công ty biết nhưng không phản đối để ngăn chặn, thì công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về những thiệt hại cho những người bên ngoài.

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn can thiệp vào công việc quản lý công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn như nêu trong điểm 2 này sẽ chỉ phải chịu trách nhiệm vô hạn đối với người bên ngoài, nhưng trách nhiệm hữu hạn của cổ đông đó đối với công ty vẫn giữ nguyên không đổi.

Điều 74: Hiệu lực của việc cho phép sử dụng tên

Tên doanh nghiệp của công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn có thể bao gồm nhiều tên hoặc họ của các cổ đông chung.

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn cho phép công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn sử dụng tên của mình vô tình hay hữu ý sẽ phải chịu trách nhiệm về những khoản nợ

của công ty đối với người ngoài, nhưng trách nhiệm hữu hạn của cổ đông đó đối với công ty vẫn không thay đổi.

Điều 75: Cổ tức và lợi nhuận

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn có quyền hưởng cổ tức hoặc lợi nhuận theo số phần hoặc tổng số tiền đã thoả thuận, tùy theo lợi nhuận mà công ty thu được, trừ khi công ty bị thua lỗ hoặc vốn bị giảm đi do thua lỗ dồn lại.

Phải phân chia cổ tức hoặc lợi nhuận vào mỗi cuối năm như Luật Kế toán Doanh nghiệp quy định.

Cổ đông không phải hoàn lại cổ tức hoặc lợi nhuận đã được công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn chia đúng.

Điều 76: Quyền và nhiệm vụ của cổ đông trách nhiệm hữu hạn

Cổ đông trách nhiệm hữu hạn có các quyền và nhiệm vụ sau :

1. Hướng dẫn, tư vấn và giúp giám đốc hiểu rõ liên quan tới các hoạt động của công ty;
2. Làm thanh lý viên nếu được bổ nhiệm;
3. Bầu bổ nhiệm hoặc cách chức giám đốc, trừ khi có thoả thuận khác;
4. Bỏ phiếu về sửa đổi Điều lệ hoặc giải thể công ty. Phương thức bỏ phiếu phải được quy định rõ ràng trong Điều lệ của công ty;
5. Được tự do tiến hành các hoạt động kinh doanh hợp pháp, dù hoạt động kinh doanh đó giống hoặc cùng loại với hoạt động của công ty.

Cổ đông thực hiện các quyền và nhiệm vụ nêu trong các điểm từ 1 đến 5 của Điều này không bị coi là can thiệp vào công việc quản lý của công ty như quy định trong Điều 73 của Luật này.

Điều 77: Áp dụng các điều khoản của công ty cổ phần phổ thông

Ngoài những điều khoản nêu trong Chương III Phần Bốn, những điều khoản áp dụng đối với công ty cổ phần phổ thông về đăng ký doanh nghiệp, về quan hệ nội bộ và với bên ngoài, về việc hợp nhất, giải thể và thanh lý doanh nghiệp được nêu trong Chương II Phần Bốn của Luật này cũng được áp dụng cho công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn.

PHẦN NĂM CÔNG TY CHƯƠNG I

NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG VỀ CÔNG TY

Điều 78: Cổ đông của công ty

Người góp vốn vào công ty được gọi là “cổ đông” (người nắm giữ cổ phần).

Cổ đông chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty không vượt quá giá trị cổ phần của họ.

Công ty có thể có một hoặc nhiều cổ đông.

Cổ đông hoặc người sáng lập công ty có thể là một cá nhân hoặc pháp nhân.

Điều 79: Tư cách pháp nhân và chi nhánh của công ty

Tư cách pháp nhân và chi nhánh của công ty giống với tư cách pháp nhân và chi nhánh của công ty cổ phần đã được quy định tại các Điều 34 và 35 của Luật này.

Điều 80: Công ty mẹ

Công ty mua các cổ phần của công ty khác đủ để kiểm soát quyền quản lý của công ty đó gọi là “công ty mẹ”.

Công ty do một công ty khác kiểm soát quyền quản lý gọi là “công ty con”.

Mức độ quyền quản lý kiểm soát bị cấm dựa trên các luật pháp và quy định liên quan.

Điều 81: Hợp đồng thành lập của công ty

Hợp đồng thành lập của công ty phải được làm thành văn bản và phù hợp với Luật Hợp đồng của Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Hợp đồng này phải có những nội dung chính sau :

1. Tên doanh nghiệp;
2. Mục đích kinh doanh;
3. Tên và địa chỉ của trụ sở chính và chi nhánh, nếu có;
4. Vốn ban đầu được tính thành tiền, tổng giá trị cổ phần, hiện vật, tiền mặt, cổ phần chung hoặc cổ phần ưu đãi;
5. Tên, địa chỉ và quốc tịch của những người sáng lập công ty, kể cả tổng giá trị cổ phần của từng người sáng lập;
6. Văn bản quy định về việc giám đốc phải chịu trách nhiệm vô hạn về những khoản nợ của công ty. Trách nhiệm vô hạn về nợ của giám đốc được quy định trong đoạn này sẽ chấm dứt một năm sau khi người này thôi giữ chức giám đốc;
7. Tên và chữ ký của những người sáng lập.

Vốn ban đầu nêu trong điểm 4 của điều 81 này là vốn đăng ký của công ty.

Công ty có một cổ đông không cần phải có hợp đồng thành lập công ty.

Điều 82: Điều lệ công ty

Điều lệ công ty phải có những nội dung chính sau :

1. Các nội dung nêu trong các điểm 1 đến 6 của Điều 81 Luật này;
2. Phương thức phân chia lợi nhuận hoặc cổ tức;
3. Phương thức và thời hạn góp vốn;
4. Cơ cấu quản lý;
5. Đại hội cổ đông và các nghị quyết;
6. Giải quyết tranh chấp;
7. Giải thể và thanh lý.

Nội dung nêu trong điểm 1 của Điều 82 này cũng được ghi trong đơn xin đăng ký doanh nghiệp. Ngoài ra, công ty có thể đưa thêm các nội dung khác vào đơn.

Điều 83: Thay đổi hợp đồng thành lập và Điều lệ công ty

Việc thay đổi Hợp đồng thành lập và Điều lệ công ty phải được tiến hành thông qua bỏ phiếu của Đại hội cổ đông như được quy định tại Điều 144 của Luật này.

Nghị quyết của Đại hội cổ đông về sửa đổi và bổ sung hợp đồng thành lập hoặc Điều lệ công ty phải được đăng ký với cơ quan đăng ký liên quan trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ra Nghị quyết.

CHƯƠNG II

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

A. Những nguyên tắc chung và việc thành lập công ty

Điều 84: Năm giữ cổ phần của công ty trách nhiệm hữu hạn

Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể là cổ đông của nhiều công ty khác hoặc là một thành viên trong công ty cổ phần, nhưng không được lấy vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn để góp vào các công ty khác.

Điều 85: Số lượng cổ đông nhiều hoặc ít hơn quy định

Công ty trách nhiệm hữu hạn có số cổ đông nhiều hơn 30 người có thể tiếp tục duy trì tư cách công ty trách nhiệm hữu hạn, nhưng phải được bỏ phiếu nhất trí như quy định tại Điều 144 của Luật này.

Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn không đáp ứng quy chế của công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc không có đủ số phiếu bầu nhất trí duy trì quy chế như nêu

trong đoạn 1 Điều 85 này thì công ty phải thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho phù hợp với thủ tục thành lập và các nguyên tắc của công ty hợp danh hoặc phải giải thể.

Công ty trách nhiệm hữu hạn với duy nhất một cổ đông phải đổi tên thành “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên” và hoạt động theo những quy định tại Mục J, Chương II Phần Năm của Luật này hoặc phải giải thể .

Điều 86: Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn

Thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn phải tuân thủ các bước và điều kiện dưới đây :

1. Phải có ít nhất hai người sáng lập cùng tham gia và ký hợp đồng thành lập công ty và thông báo hợp đồng này với cơ quan đăng ký nơi công ty đặt trụ sở;
2. Sau khi thông báo hợp đồng thành lập như nêu trong điểm 1 Điều 86 này, các bên phải góp vốn đầy đủ. Cấm đăng ký góp vốn bằng việc bán công khai cổ phần cho công chúng. Người đăng ký vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn được gọi là “cổ đông” (người góp cổ phần).
3. Tổ chức đại hội thành lập công ty
4. Người sáng lập chuyển giao mọi trách nhiệm điều hành hoạt động công ty cho giám đốc đã được bầu tại đại hội thành lập;
5. Giám đốc công ty đốc thúc những người sáng lập và các cổ đông đóng góp đầy đủ cổ phần như quy định trong đoạn 1 Điều 96 Luật này;
6. Sau khi vốn đăng ký đã được góp đủ như nêu trong điểm 5 Điều 86 này, giám đốc phải đăng ký công ty trong vòng 30 ngày kể từ ngày vốn đã góp đủ.

Điều 87 : Người sáng lập công ty trách nhiệm hữu hạn

Người sáng lập công ty trách nhiệm hữu hạn là người đầu tiên thành lập công ty, không phải là người quản lý hoạt động của công ty và phải nắm giữ ít nhất một cổ phần.

Nhiệm vụ chính của người sáng lập là thu xếp mọi công việc để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn cho tới khi tiến hành Đại hội thành lập công ty.

Điều 88: Trách nhiệm của người sáng lập đối với cổ đông

Người sáng lập phải chịu trách nhiệm với các cổ đông về những hành vi sau :

1. Hoạt động kinh doanh vì lợi ích của riêng bản thân;
2. Giấu thu nhập hoặc những chi phí liên quan tới việc thành lập công ty;

3. Chi tiêu hoặc ký hợp đồng nằm ngoài phạm vi những mục tiêu để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn;

4. Khai “vong” tài sản của bản thân;

5. Các trách nhiệm khác nêu trong Luật này.

Người sáng lập phải đền bù hoặc giải quyết hậu quả các thiệt hại do những hành vi nêu trên gây ra.

Điều 89: Trách nhiệm của người sáng lập với người ngoài

Những người sáng lập công ty trách nhiệm hữu hạn cùng chịu trách nhiệm vô hạn với người ngoài về các hợp đồng mà họ đã ký trong quá trình thành lập công ty hoặc về những chi phí liên quan tới việc thành lập công ty, nếu những hợp đồng hoặc chi phí đó không được Đại hội thành lập công ty thông qua, hoặc được thông qua nhưng công ty không đăng ký doanh nghiệp được.

Điều 90: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn

Đại hội thành lập công ty có các quyền và nhiệm vụ sau :

1. Thông qua Điều lệ công ty;

2. Thông qua hợp đồng thành lập công ty và những hợp đồng khác liên quan tới việc thành lập công ty mà những người sáng lập đã ký với người ngoài, kể cả những chi phí để lập công ty của những người sáng lập;

3. Thống nhất về những cổ phần chung và cổ phần ưu đãi, nếu có;

4. Bầu các giám đốc đầu tiên của công ty.

Trong vòng 10 ngày làm việc trước ngày tiến hành Đại hội thành lập, những người sáng lập phải gửi cho tất cả các cổ đông báo cáo về quá trình thành lập công ty cùng danh sách các cổ đông, địa chỉ của họ và số lượng cổ phần của từng cổ đông.

Điều 91: Nghị quyết của Đại hội thành lập công ty

Nghị quyết của Đại hội thành lập công ty chỉ có hiệu lực khi có số phiếu bầu của hơn một nửa số người sáng lập và cổ đông đại diện cho không ít hơn nửa tổng số cổ phần. Nghị quyết phải được thông qua bằng bỏ phiếu, với mỗi cổ phần tương đương một phiếu.

Người sáng lập hoặc cổ đông không có quyền bỏ phiếu đối với những vấn đề mà người đó có quyền lợi đặc biệt, trừ bỏ phiếu bầu giám đốc.

Đại hội thành lập phải quyết định những vấn đề mà một người sáng lập hoặc cổ đông có lợi ích đặc biệt hoặc có lợi ích liên quan trực tiếp.

Điều 92: Thủ tục đăng ký doanh nghiệp

Hồ sơ làm thủ tục đăng ký của công ty trách nhiệm hữu hạn gồm :

1. Tờ khai và hợp đồng thành lập công ty;
2. Báo cáo Đại hội thành lập công ty;
3. Điều lệ.

Tờ khai xin đăng ký phải do giám đốc công ty ký.

Điều 93: Trách nhiệm của giám đốc đối với việc huỷ bỏ đăng ký

Cơ quan đăng ký sẽ huỷ bỏ đăng ký nếu thời hạn quy định tại điểm 6 Điều 86 của Luật này không được tuân thủ, trừ trường hợp việc huỷ đăng ký là do sai sót mà lỗi không thuộc về giám đốc hoặc nếu các cổ đông đã bỏ để phiếu tiếp tục đăng ký với số phiếu của cổ đông nắm giữ hơn $\frac{3}{4}$ vốn.

Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn bị huỷ bỏ đăng ký, giám đốc phải hoàn lại tất cả số vốn cho những người đã góp trong vòng 3 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký huỷ bỏ đăng ký.

Nếu sau 3 tháng mà giám đốc vẫn chưa hoàn trả đầy đủ vốn cho những người đã góp thì phải trả số vốn còn lại cộng với lãi suất quy định của ngân hàng vào thời điểm đó, trừ khi giám đốc chứng minh được là đăng ký đã không bị huỷ và như vậy không phải hoàn trả vốn.

B. Cổ phần và trái phiếu của công ty trách nhiệm hữu hạn

Điều 94: Cổ phần

Một cổ phần của công ty trách nhiệm hữu hạn có giá trị không được dưới 2.000 kíp.

Mỗi cổ phần có thể do một hoặc nhiều người sở hữu, được giao cho một người nắm giữ với tư cách cổ đông của công ty nhưng tất cả phải cùng liên đới chịu trách nhiệm với công ty về phần vốn chưa góp.

Vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn có thể được góp bằng tiền mặt hoặc hiện vật. Vốn góp bằng hiện vật phải được đánh giá ra thành tiền mặt bởi $\frac{2}{3}$ số phiếu của những người sáng lập và cổ đông tại phiên Đại hội thành lập, trừ khi có quy định khác. Việc góp vốn bằng các hình thức khác ngoài hiện vật và tiền mặt phải được Đại hội thành lập công ty nhất trí thông qua.

Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể có hai loại cổ phần : cổ phần chung và cổ phần ưu đãi.

Điều 95: Giá trị của cổ phần và phát hành cổ phần thấp hơn hoặc cao hơn giá trị ban đầu

Giá trị của cổ phần trong công ty trách nhiệm hữu hạn được xác định trong Hợp đồng thành lập công ty. Giá trị cổ phần như vậy được gọi là “giá trị ban đầu”.

Công ty trách nhiệm hữu hạn không có quyền phát hành cổ phần thấp hơn giá trị được quy định trong đoạn 1 nói trên, trừ trường hợp công ty giảm số vốn như quy định tại Điều 112 của Luật này. Quy định hạn chế nêu trong phần này không áp dụng với giá mua và bán cổ phần của các cổ đông.

Công ty chỉ có thể tăng giá trị cổ phần phù hợp với Điều 110 của Luật này.

Điều 96: Góp vốn trước khi đăng ký doanh nghiệp

Góp vốn trước khi đăng ký doanh nghiệp là vốn được yêu cầu góp sau Đại hội thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn như quy định tại điểm 5 Điều 86 của Luật này. Trong trường hợp này, người góp vốn phải góp đầy đủ nếu góp bằng hiện vật và ít nhất 70% vốn nếu góp bằng tiền mặt.

Sau khi đăng ký doanh nghiệp, giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn có thể bất kỳ lúc nào yêu cầu góp nốt phần còn lại, trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 97: Góp vốn sau khi đăng ký doanh nghiệp

Đối với góp vốn nêu trong phần 2 Điều 96 của Luật này, giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn sẽ đề nghị mỗi cổ đông đóng theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông đã đăng ký. Đề nghị phải được thông báo bằng văn bản về thời hạn và tổng số tiền cần đóng góp trong vòng 30 ngày.

Việc góp vốn nêu trên hoặc trong những trường hợp khác như công ty tăng vốn như nêu tại Điều 110 của Luật này, phải được góp bằng tiền mặt và không được góp vốn theo kiểu gán nợ với công ty trách nhiệm hữu hạn, trừ khi việc góp vốn theo kiểu này được Đại hội cổ đông nhất trí thông qua bằng bỏ phiếu.

Điều 98 : Hiệu lực của việc không góp vốn

Cổ đông nào không góp đủ số vốn đến hạn phải góp theo đề nghị lần thứ nhất của giám đốc sẽ phải trả lãi suất cho phần vốn chưa góp đủ theo lãi suất của ngân hàng vào thời điểm phải góp vốn, tính từ ngày nhận được thông báo đề nghị góp vốn của giám đốc và cổ đông đó sẽ bỏ phiếu tại đại hội cổ đông tương ứng với tổng số tiền vốn đã góp.

Cổ đông nào không đóng đủ cả tiền vốn và lãi suất còn nợ cho lần thông báo đề nghị thứ hai, giám đốc có quyền bán những cổ phần này cho những người được ưu tiên nêu trong phần 1 đến 4 Điều 111 của Luật này, nhằm trả đủ cả tiền vốn và lãi

suất cho công ty trách nhiệm hữu hạn. Nếu sau khi thanh toán xong mà còn dư tiền thì hoàn trả lại cho cổ đông liên quan.

Trường hợp tổng số tiền cổ phần bán ra nêu trong phần 2 Điều 98 của Luật này vẫn không đủ, giám đốc có quyền đề nghị cổ đông liên quan thanh toán nốt. Nếu không, công ty có thể từ chối đăng ký chuyển nhượng cổ phần hoặc ngừng quyền bỏ phiếu của cổ đông liên quan tại Đại hội cổ đông.

Điều 99 : Quyền và trách nhiệm của cổ đông thường

Người sở hữu cổ phần thường (phổ thông) được gọi là “cổ đông thường (phổ thông)”. Cổ đông thường có các quyền và trách nhiệm sau đây :

1. Nêu ý kiến, quan điểm về hoạt động của công ty;
2. Tham gia các hoạt động của công ty;
3. Góp vốn;
4. Bảo vệ các lợi ích của mình;
5. Được thông tin và kiểm tra các hồ sơ như quy định trong Điều lệ công ty;
6. KIỆN ra toà các giám đốc, viên chức và nhân viên của công ty đã gây thiệt hại cho lợi ích của mình;
7. Chịu trách nhiệm đối với phần vốn chưa góp của mình;
8. Được quyền ưu tiên so với người ngoài khi các cổ đông công ty chuyển nhượng hoặc bán cổ phần;
9. Bầu hoặc bãi miễn giám đốc công ty;
10. Nhận số tiền dư ra sau thanh lý, trường hợp công ty giải thể;
11. Hưởng cổ tức theo tỷ lệ cổ phần đã góp;
12. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác đã được nêu trong Điều lệ.

Chỉ được chia cổ tức và tiền như nêu trong điểm 10 và 11 của Điều 99 này sau khi đã thanh toán xong với các cổ đông ưu đãi và các chủ nợ của công ty.

Điều 100 : Quyền và nhiệm vụ của cổ đông ưu đãi

Người sở hữu cổ phần ưu đãi được gọi là “cổ đông ưu đãi”. Cổ đông ưu đãi có quyền và nhiệm vụ sau :

1. Các quyền và nhiệm vụ nêu trong điểm từ 1 đến 6 của Điều 99 Luật này;
2. Quyền ưu tiên nhận số tiền dư ra và cổ tức trước các cổ đông thường. Cổ tức nhận được có thể là một khoản cố định hoặc theo tỷ lệ cổ phần đã được các cổ đông thoả thuận;

3. Các quyền ưu đãi khác. Mọi điều chỉnh hoặc sửa đổi về quyền ưu đãi phải được ghi trong Điều lệ của công ty;

4. Có thể rút cổ phần đã góp nếu công ty trách nhiệm hữu hạn đang trong tình trạng hoạt động có lời, hoặc có thể bán cổ phần của mình cho người khác nếu công ty trách nhiệm hữu hạn từ chối mua, trừ khi có thoả thuận khác.

Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn đồng ý mua cổ phần như nêu trong điểm 4 của Điều 100 này, giá mua là giá ban đầu hoặc giá thoả thuận.

Các cổ đông ưu đãi không có quyền bầu giám đốc công ty.

Điều 101 : Phát hành trái phiếu của công ty trách nhiệm hữu hạn

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày công ty đã đăng ký, Giám đốc công ty phải phát hành các trái phiếu cho cổ đông. Mỗi trái phiếu đều phải có chữ ký của Giám đốc và dấu của công ty.

Mỗi trái phiếu phải có mệnh giá ít nhất bằng giá trị của một cổ phần.

Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai loại trái phiếu : trái phiếu ghi danh và trái phiếu có chứng nhận sở hữu.

Điều 102 : Trái phiếu ghi danh

Trái phiếu ghi danh phải có những nội dung chính sau :

1. Số đối chiếu của trái phiếu;
2. Tên công ty trách nhiệm hữu hạn;
3. Tên người nắm giữ trái phiếu;
4. Tổng giá trị cổ phần của người nắm giữ trái phiếu;
5. Giá trị một cổ phần;
6. Giá trị cổ phần chưa đóng góp và thời hạn phải trả, nếu thời hạn này đã được xác định;
7. Chữ ký và dấu của Giám đốc công ty.

Trái phiếu ghi danh có thể được phát hành cho những cổ phần chưa được thanh toán. Trái phiếu ghi danh có thể được quy thành trái phiếu có chứng nhận sở hữu với điều kiện người nắm giữ trái phiếu đã thanh toán đầy đủ vốn góp và đã đăng ký huỷ bỏ trái phiếu ghi danh.

Trường hợp Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn quy định Giám đốc phải nắm giữ một số lượng cổ phần nhất định trong công ty thì giám đốc chỉ được nắm giữ những trái phiếu ghi danh.

Điều 103 : Trái phiếu có chứng nhận sở hữu

Trái phiếu có chứng nhận sở hữu là trái phiếu có thể chuyển nhượng, chỉ có thể phát hành với những điều kiện sau :

1. Đã được góp vốn đầy đủ;
2. Có quy định ghi trong Điều lệ theo đó công ty trách nhiệm hữu hạn có quyền phát hành loại trái phiếu này.

Nội dung của trái phiếu có chứng nhận sở hữu giống với trái phiếu ghi danh, trừ những nội dung về tên người nắm giữ và giá trị cổ phần chưa đóng góp.

Trái phiếu có chứng nhận sở hữu có thể quy thành trái phiếu ghi danh bằng cách huỷ trái phiếu này đi và phát hành trái phiếu ghi danh để thay thế.

Điều 104 : Chuyển nhượng cổ phần

Việc chuyển nhượng cổ phần có chứng nhận sở hữu của công ty trách nhiệm hữu hạn có thể thực hiện bằng cách trao trái phiếu cho người khác.

Chỉ có thể chuyển nhượng trái phiếu ghi danh khi :

1. Phù hợp với những quy định về hạn chế đối với chuyển nhượng cổ phần được quy định trong Điều lệ công ty;
2. Không trái với những quy định cấm chuyển nhượng cổ phần của luật pháp;
3. Chuyển nhượng theo pháp luật;
4. Chuyển nhượng phải được thực hiện bằng văn bản trong đó có ghi số đối chiếu của trái phiếu được chuyển nhượng, tên và chữ ký của người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng theo thứ tự tên và chữ ký của người chuyển nhượng rồi đến xác nhận của người được chuyển nhượng với mỗi bên ít nhất một người;
5. Chuyển nhượng phải được đăng ký. Nếu có ý định chuyển nhượng cổ phần cho người ngoài, phải chào bán cho các cổ đông trong công ty trước, sau đó tiến hành đăng ký chuyển nhượng cùng với tên và địa chỉ của người được chuyển nhượng.

Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn có thể bác bỏ việc đăng ký chuyển nhượng của cổ phần ghi danh nếu cổ phần đó chưa được góp vốn đầy đủ.

Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn đã đăng ký chuyển nhượng cổ phần như nêu trong đoạn 3 nói trên, người chuyển nhượng có trách nhiệm thanh toán với chủ nợ đối với phần cổ phần đã chuyển nhượng nhưng chưa được thanh toán.

Điều 105 : Chuyển nhượng cổ phần theo pháp luật

Chuyển nhượng cổ phần theo pháp luật là chuyển nhượng cổ phần như nêu trong đoạn 2 Điều 98 và đoạn 3 Điều 108 của Luật này hoặc do một cổ đông qua đời, phá sản hoặc những hoàn cảnh đặc biệt khác.

Người được chuyển nhượng cổ phần theo pháp luật phải xuất trình đầy đủ bằng chứng có giá trị liên quan tới việc sở hữu những cổ phần được chuyển nhượng cùng với các trái phiếu để công ty trách nhiệm hữu hạn liên quan phát hành trái phiếu mới và tiến hành đăng ký cổ đông mới .

Điều 106 : Những quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần theo pháp luật

Chuyển nhượng cổ phần theo pháp luật phải tuân thủ những quy định hạn chế sau :

1. Hạn chế nêu trong đoạn 3 Điều 98 của Luật này.
2. Hạn chế về chuyển nhượng cổ phần theo những luật khác như : hạn chế nắm cổ phần đối với người nước ngoài, người cư trú thường xuyên hoặc người không có quốc tịch trong một số loại hình kinh doanh đặc biệt;
3. Chuyển nhượng cổ phần trong khi công ty trách nhiệm hữu hạn đang bị tịch biên tài sản;
4. Chuyển nhượng cổ phần khi đã khoá sổ đăng ký cổ đông, trừ phi được các cổ đông đồng ý hoặc có quy định khác trong Điều lệ của công ty.

Điều 107 : Sổ đăng ký cổ đông

Sổ đăng ký cổ đông gồm những nội dung chính sau :

1. Họ tên, địa chỉ và quốc tịch của cổ đông.
2. Số cổ phần, giá trị cổ phần, số đối chiếu của các trái phiếu sắp xếp theo loại : cổ phần ghi danh và cổ phần có chứng nhận sở hữu;
3. Giá trị chưa thanh toán đối với loại cổ phần ghi danh.
4. Ngày, tháng, năm đăng ký làm cổ đông của công ty.
5. Ngày, tháng, năm huỷ bỏ tư cách cổ đông của công ty.

Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại văn phòng của công ty trách nhiệm hữu hạn để các cổ đông dễ dàng kiểm tra vào bất cứ lúc nào.

Muộn nhất là ngày 25/12 hằng năm, Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn phải gửi cho cơ quan đăng ký liên quan bản sao sổ đăng ký cổ đông mỗi khi có thay đổi hoặc ít nhất mỗi năm một lần nếu không có thay đổi gì.

Điều 108 : Chuyển nhượng cổ phần ghi danh không có giá trị

Việc chuyển nhượng cổ phần ghi danh có thể không có giá trị nếu vi phạm những yêu cầu nêu trong đoạn 2 Điều 104 của Luật này.

Trường hợp chuyển nhượng cổ phần ghi danh không có giá trị, người được chuyển nhượng không thể trở thành cổ đông của công ty trách nhiệm hữu hạn có cổ phần đã chuyển nhượng đó, cho tới khi vấn đề được giải quyết một cách đúng đắn. Cổ phần đã chuyển nhượng trong trường hợp này giữ nguyên chủ sở hữu cũ.

Người được chuyển nhượng đã nắm cổ phần trong hơn 2 năm mà không bị khiếu kiện hay phản đối có quyền sở hữu cổ phần đó theo đúng pháp luật.

Điều 109 : Trách nhiệm của người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng cổ phần

Người chuyển nhượng cổ phần phải có trách nhiệm thanh toán với chủ nợ khoản tiền chưa thanh toán trong những trường hợp sau :

1. Như quy định trong đoạn 4 Điều 104 của luật này;
2. Cổ phần chuyển nhượng đang được yêu cầu thanh toán;
3. Người được chuyển nhượng cổ phần không thể trả khoản tiền chưa thanh toán của các cổ phần.

Trách nhiệm của người chuyển nhượng cổ phần là trách nhiệm đối với chủ nợ và trách nhiệm này sẽ chấm dứt sau 1 năm kể từ ngày đăng ký chuyển nhượng cổ phần. Công ty trách nhiệm hữu hạn không có quyền đưa ra tòa kiện người chuyển nhượng.

Người được chuyển nhượng có mọi quyền, nhiệm vụ và nghĩa vụ gắn với cổ phần đã chuyển nhượng.

C. Tăng hoặc giảm vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn

Điều 110 : Tăng vốn

Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể tăng vốn đăng ký bằng cách phát hành cổ phần mới hoặc tăng mệnh giá của mỗi cổ phần.

Tăng vốn đăng ký phải được thông qua bằng bỏ phiếu của đại hội cổ đông như quy định tại Điều 144 của Luật này.

Điều 111 : Bán cổ phần bổ sung

Bán cổ phần bổ sung thêm phải theo thứ tự ưu tiên như sau :

1. Bán cho các cổ đông của công ty trách nhiệm hữu hạn theo tỷ lệ cổ phần họ nắm giữ, bằng cách gửi cho họ thông báo bằng văn bản trong đó quy định ngày phải trả lời. Cổ đông nào không trả lời hoặc trả lời muộn hơn quy định coi như đã từ bỏ quyền được mua của mình;
2. Bán cho những cổ đông của công ty trách nhiệm hữu hạn quan tâm mua cổ phần chào bán sau khi thời hạn quy định đã qua hoặc các cổ đông từ chối mua cổ phần theo tỷ lệ của họ;

3. Giám đốc công ty có quyền mua những cổ phần còn lại nêu trong điểm 2 của Điều 111 này;

4. Bán cho người ngoài. Phương thức và thủ tục để chuyển nhượng cổ phần được quy định trong Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn.

Những quy định nêu trong Điều 98 của Luật này cũng áp dụng cho cổ đông nào không thanh toán các cổ phần bổ sung đúng ngày đã quy định.

Điều 112 : Giảm vốn

Có thể giảm vốn đăng ký của công ty trách nhiệm hữu hạn bằng cách giảm giá trị mỗi cổ phần hoặc giảm số lượng cổ phần. Giảm vốn đăng ký phải phù hợp với những yêu cầu sau :

1. Giá trị của một cổ phần không được dưới 1.000 kíp;
2. Vốn còn lại sau khi giảm không được thấp hơn một nửa vốn đăng ký và vốn cố định tối thiểu đối với những lĩnh vực đã quy định tại Điều 20 của Luật này;
3. Giảm vốn đăng ký chỉ có thể thực hiện bằng nghị quyết đặc biệt nêu tại Điều 144 của Luật này.
4. Chủ nợ của công ty trách nhiệm hữu hạn không phản đối việc giảm vốn như trên.

Điều 113 : Thông báo với chủ nợ

Thông báo với chủ nợ để họ bày tỏ phản đối phải được tiến hành như sau :

1. Thông báo bằng văn bản tới tất cả các chủ nợ của công ty trách nhiệm hữu hạn, trong đó nêu rõ mục đích, hình thức giảm vốn : giảm giá trị của cổ phần hay giảm số lượng cổ phần. Thời gian để chủ nợ trả lời phản đối không quá 2 tháng kể từ ngày nhận được thông báo. Chủ nợ nào không trả lời trong thời gian nêu trên coi như không phản đối.
2. Thông báo công khai trên truyền thông đại chúng ít nhất 10 lần, trong đó nêu rõ thời gian để trả lời cũng như các nội dung đã quy định tại điểm 1 của Điều 113 này.

Điều 114 : Phản đối và trách nhiệm thông báo

Công ty trách nhiệm hữu hạn không thể giảm vốn nếu có bất kỳ phản đối nào của chủ nợ, trừ khi các khoản nợ đã được thanh toán hết.

Nếu chủ nợ nào đó không nhận được thông báo giảm vốn do lỗi của công ty trách nhiệm hữu hạn thì công ty phải thanh toán cho chủ nợ này trong thời gian không quá 1 năm kể từ ngày đại hội cổ đông thông qua nghị quyết giảm vốn.

Trường hợp lỗi thuộc về chủ nợ thì coi như chủ nợ không phản đối.

Điều 115 : Đăng ký tăng hoặc giảm vốn

Công ty trách nhiệm hữu hạn thực hiện tăng hoặc giảm vốn như nêu trong Phần C này phải đăng ký với cơ quan đăng ký liên quan như sau :

1. Đăng ký tăng vốn trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ các cổ phần bổ sung đã được thanh toán xong;
2. Đăng ký giảm vốn trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày không có phản đối hoặc từ ngày đã thanh toán xong các khoản nợ cho chủ nợ phản đối việc giảm vốn.

Sau khi đăng ký tăng hoặc giảm vốn, Công ty trách nhiệm hữu hạn phải thông báo cho công chúng biết qua truyền thông đại chúng ít nhất 1 lần trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký xong.

Đơn xin đăng ký thay đổi vốn phải gồm danh sách các cổ đông cùng với giá trị hoặc số lượng cổ phần đã tăng hoặc giảm, quốc tịch, địa chỉ và số lượng trái phiếu và số lượng cổ phần họ nắm giữ.

D. Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty trách nhiệm hữu hạn

Điều 116 : Giám đốc

Giám đốc là một người của Công ty trách nhiệm hữu hạn. Quan hệ giữa giám đốc, công ty và người ngoài phải dựa trên luật pháp liên quan.

Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn không có lương nhưng được nhận tiền thù lao và tiền thưởng hằng năm với tỷ lệ hoặc giá trị do Đại hội cổ đông thoả thuận, trừ trường hợp giám đốc là người ngoài công ty hoặc có thoả thuận khác.

Giám đốc có thể là hoặc không là cổ đông của công ty, trừ khi có thoả thuận khác.

Tất cả các hoạt động của Giám đốc phải nằm trong phạm vi quyền và nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty và dưới sự giám sát của Đại hội cổ đông.

Một công ty trách nhiệm hữu hạn có thể có vài giám đốc, tùy theo nhu cầu của công ty.

Công ty trách nhiệm hữu hạn có nhiều giám đốc sẽ uỷ quyền cho một người trong số họ thay mặt công ty thực hiện ký kết hợp đồng. Trong trường hợp này, giám đốc được gọi là “Giám đốc điều hành” (Tổng giám đốc).

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành thì gọi là “Chủ tịch-Tổng giám đốc”.

Điều 117 : Phẩm chất, năng lực của Giám đốc

Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn phải có những phẩm chất, năng lực sau:

1. Không là một pháp nhân;
2. Là người có năng lực;
3. Không phải là người bị phá sản chưa qua thời hạn bị hạn chế hoạt động kinh doanh theo lệnh của toà án;
4. Chưa bao giờ bị tù vì tội gian lận và tham ô.

Điều 118 : Bỏ nhiệm hoặc bãi miễn giám đốc

Bỏ nhiệm giám đốc trong những trường hợp sau :

1. Giám đốc đầu tiên được bầu tại Đại hội thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn.
2. Giám đốc do Đại hội cổ đông bầu.
3. Hội đồng quản trị có thể họp quyết định bỏ nhiệm giám đốc khi chức giám đốc bị trống giữa hai kỳ Đại hội cổ đông. Trường hợp công ty không có Hội đồng quản trị thì bỏ nhiệm chức giám đốc bỏ trống nêu trên theo Điều lệ công ty.

Bãi miễn Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn được tiến hành như cách thức bỏ nhiệm.

Có thể bãi miễn giám đốc vào bất kỳ thời điểm nào nếu có đủ cơ sở, kể cả khi còn nghỉ ngơi.

Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị của công ty trách nhiệm hữu hạn không có quyền kiện ra toà việc bỏ nhiệm hoặc bãi miễn giám đốc, trừ khi việc bỏ nhiệm hoặc bãi miễn đó vi phạm thủ tục do luật pháp hoặc Điều lệ công ty quy định.

Điều 119 : Cách bỏ phiếu bầu bỏ nhiệm hoặc bãi miễn giám đốc

Bỏ phiếu bầu hoặc bãi miễn giám đốc có thể theo hai cách : bầu gộp phiếu và bầu trực tiếp.

Bầu gộp phiếu là cho phép mỗi cổ đông được nhân số cổ phần mà họ nắm giữ với số ứng cử viên, rồi đem tích của hai số này gộp thành số phiếu để bầu cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Mỗi cổ phần được tính một phiếu. Ứng cử viên nào gộp được nhiều phiếu bầu nhất được bầu làm giám đốc.

Chỉ có thể bãi miễn giám đốc đã được bầu theo cách gộp phiếu khi số phiếu phản đối bằng số phiếu gộp.

Bầu trực tiếp là bầu duy nhất một giám đốc bằng cách gộp phiếu, mỗi cổ phần tương đương một phiếu.

Ứng cử viên trúng cử như nêu trong đoạn 4 Điều 119 này là người có số phiếu gộp của hơn một nửa số cổ đông và đại diện cổ đông tham gia bỏ phiếu. Việc bãi miễn giám đốc trong trường hợp này sẽ phải tiến hành theo cách như khi người này đã được bầu.

Điều 120 : Số lượng giám đốc và thời hạn nhiệm kỳ giám đốc

Số lượng giám đốc của công ty trách nhiệm hữu hạn có thể là một hoặc vài người do Điều lệ công ty quy định hoặc do Đại hội cổ đông nhất trí.

Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn có nhiệm kỳ 2 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Nhiệm kỳ của giám đốc được bổ nhiệm như nêu trong điểm 3 Điều 118 của Luật này sẽ thời hạn nhiệm kỳ còn lại của giám đốc bị thay thế.

Điều 121 : Trách nhiệm của giám đốc

Giám đốc phải chịu trách nhiệm trong những trường hợp sau :

1. Vi phạm phạm vi mục đích kinh doanh đã được Điều lệ hoặc Hợp đồng thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn quy định;
2. Vi phạm Điều lệ của Công ty;
3. Hành động vượt ngoài phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ đã được quy định;
4. Không thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ đã được quy định;

Giám đốc có thể được miễn trách nhiệm nếu chứng minh được không vi phạm hoặc phản bác được việc quy trách nhiệm về những sai lầm.

Cổ đông phải hoàn lại tiền theo tỷ lệ mà giám đốc đã trả khi vi phạm Điều lệ công ty.

Những trách nhiệm dân sự của giám đốc đối với các đối tác bên ngoài sẽ áp dụng theo luật pháp.

Điều 122 : Trách nhiệm đối với những hành vi sai trái của giám đốc

Công ty trách nhiệm hữu hạn phải chịu trách nhiệm đối với những hành vi sai trái của giám đốc công ty khi hành vi sai trái đó đã được Đại hội cổ đông thông qua như nêu trong các điểm từ 1 đến 4 Điều 121 của Luật này.

Trường hợp vi phạm phạm vi quyền hạn và nghĩa vụ đã được quy định đối với giám đốc, cán bộ hoặc nhân viên nhưng không vi phạm phạm vi mục đích kinh doanh của công ty, thì công ty sẽ phải chịu trách nhiệm đối với các đối tác ngoài công ty. Những trách nhiệm trong nội bộ giữa công ty và giám đốc, cán bộ hoặc nhân viên được thực hiện theo các luật pháp liên quan.

Điều 123 : Các biện pháp đối với hành vi sai trái của giám đốc

Công ty trách nhiệm hữu hạn phải có những biện pháp đối với giám đốc có những hành vi sai trái như nêu trong Điều 121 của Luật này. Các biện pháp cụ thể đối với giám đốc được quy định trong Điều lệ công ty.

Trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn không có biện pháp nào như nêu trong đoạn 1 của Điều 123 này, thì một hoặc nhiều cổ đông có số cổ phần nắm giữ chiếm 4% tổng số cổ phần của công ty có thể thông báo bằng văn bản đề nghị công ty trừng phạt hoặc ngưng chức vụ của giám đốc có hành vi sai trái.

Trường hợp công ty trách nhiệm không xử lý hoặc xử lý không đúng đối với giám đốc vi phạm, cổ đông nói trên được quyền với danh nghĩa công ty đưa ra toà phán xét để trừng phạt hoặc ngưng chức vụ của giám đốc liên quan.

Điều 124 : Thực hiện nghĩa vụ của giám đốc dưới danh nghĩa công ty trách nhiệm hữu hạn

Việc thực nghiệm các nghĩa vụ của giám đốc được phân làm hai loại : thực hiện với danh nghĩa người của công ty trách nhiệm hữu hạn và thực hiện những nghĩa vụ đặc trưng riêng (với danh nghĩa cá nhân).

Thực hiện nghĩa vụ với danh nghĩa công ty trách nhiệm hữu hạn phải phù hợp với luật pháp liên quan. Điều khoản này cũng áp dụng tương tự đối với các cán bộ hoặc nhân viên của công ty trách nhiệm hữu hạn.

Thực hiện nghĩa vụ đặc trưng riêng của giám đốc bao gồm :

1. Quản lý công việc kinh doanh của công ty trách nhiệm hữu hạn để hoạt động một cách đúng đắn như đã quy định trong Hợp đồng thành lập công ty, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội cổ đông;
2. Đề nghị đóng cổ phần đúng số lượng và thời hạn như đã quy định;
3. Quản lý và sử dụng vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn phù hợp với mục đích;
4. Lập sổ sách kế toán, lưu giữ mọi hồ sơ, tài liệu của công ty;
5. Hợp tác với kiểm toán viên trong giải trình tính xác thực và nguồn gốc các số liệu và thông tin trong bản quyết toán trước khi đưa ra Đại hội cổ đông thông qua;
6. Gửi các bản sao bản quyết toán cho các cổ đông đọc và gửi một số bản sao cho những cổ đông nắm giữ cổ phần có chứng nhận sở hữu lưu giữ để kiểm tra khi được yêu cầu;
7. Phân chia cổ tức một cách đúng đắn;

8. Quản lý và sử dụng các cán bộ, nhân viên của công ty;
9. Thông báo, trực tiếp hoặc gián tiếp, cho công ty trách nhiệm hữu hạn biết về những lợi ích của bản thân liên quan tới các hợp đồng hoặc về việc tăng hoặc giảm cổ phần của bản thân trong năm tài chính tại công ty hoặc tại các chi nhánh của công ty.

Điều 125 : Những hạn chế đối với giám đốc

Cấm giám đốc tiến hành các hoạt động kinh doanh có tính chất cạnh tranh với công ty trách nhiệm hữu hạn như sau :

1. Hoạt động trong cùng hoặc giống với lĩnh vực của công ty, dù hoạt động kinh doanh đó là vì lợi ích của bản thân hay vì lợi ích của người khác, trừ khi có thoả thuận khác của Đại hội cổ đông;
2. Là cổ đông của một công ty cổ phần phổ thông hoặc cổ đông thường của một công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn mà công ty này đang tiến hành hoạt động kinh doanh giống hoặc cùng lĩnh vực với công ty trách nhiệm hữu hạn mà bản thân đang làm giám đốc, trừ khi có thoả thuận khác của Đại hội cổ đông;
3. Tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào với công ty trách nhiệm hữu hạn riêng của bản thân, dù hoạt động đó vì lợi ích của bản thân hay của người khác, trừ khi có thoả thuận khác;
4. Vay mượn hoặc cho các thành viên gia đình hoặc họ hàng vay tiền của công ty trách nhiệm hữu hạn mà bản thân đang làm giám đốc, trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác. Những hạn chế này áp dụng cho cả các cán bộ và nhân viên của công ty trách nhiệm hữu hạn.

Trường hợp vi phạm những hạn chế nêu trong Điều 125 này, thì áp dụng các biện pháp nêu trong Điều 123 của Luật này.

Điều 126 : Trách nhiệm đối với các đối tác bên ngoài trong việc bổ nhiệm giám đốc

Giám đốc nếu được bổ nhiệm trái với Điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc không đủ khả năng, phẩm chất, hoặc vì những lý do khác, vẫn phải chịu trách nhiệm đối với các đối tác bên ngoài.

Điều 127 : Giám đốc chấm dứt nhiệm vụ, quyền hạn

Giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn có thể chấm dứt nhiệm vụ, quyền hạn vì những lý do sau :

1. Nhiệm kỳ kết thúc;

2. Bị Đại hội cổ đông bỏ phiếu bãi nhiệm;
3. Theo quyết định của toà án như nêu trong đoạn 4 Điều 118 của Luật này;
4. Giám đốc qua đời, bị phá sản hoặc mất năng lực hành vi, từ chức hoặc thiếu phẩm chất, năng lực như nêu trong Điều 117 của Luật này.

Sau khi giám đốc kết thúc nhiệm vụ và sau khi đã bỏ nhiệm giám đốc mới, công ty trách nhiệm hữu hạn phải thông báo với cơ quan đăng ký liên quan để đăng ký việc thay đổi này trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày giám đốc mới được bổ nhiệm.

Việc thay đổi giám đốc chỉ có hiệu lực đối với các đối tác bên ngoài khi thay đổi đó đã được đăng ký như nêu trong đoạn 2 Điều 127 này.

Việc từ chức của giám đốc sẽ có hiệu lực kể từ ngày công ty trách nhiệm hữu hạn nhận được đơn từ chức của người đó.

Trường hợp tất cả thành viên của Hội đồng Quản trị đều kết thúc công việc, thì Hội đồng Quản trị vẫn tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ cần thiết cho tới khi có Hội đồng Quản trị mới thay thế, trừ khi có phán quyết khác của toà án như được nêu tại điểm 3 Điều 127 này.

Điều 128 : Sổ đăng ký giám đốc

Sổ đăng ký (các) giám đốc gồm :

1. Họ tên, quốc tịch, ngày, tháng năm sinh và nơi sinh của (các) giám đốc;
2. Loại cổ phần, giá trị, số đối chiếu và số lượng cổ phiếu do mỗi giám đốc nắm giữ;
3. Ngày, tháng năm được bổ nhiệm làm giám đốc;
4. Sổ đăng ký (các) giám đốc và báo cáo về Đại hội cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty trách nhiệm hữu hạn để mọi cổ đông có thể xem và kiểm tra.

Điều 129 : HĐQT

Công ty TNHH có từ hai giám đốc trở lên có thể thành lập “HĐQT” . Công ty TNHH có tài sản trị giá trên 5 triệu kip phải có HĐQT và một kiểm toán viên.

HĐQT hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc và công cụ được quy định tại Điều lệ về công ty TNHH. Trong trường hợp Điều lệ về công ty TNHH không quy định vấn đề trên thì HĐQT hoạt động theo quy định từ Điều 131 đến 134 của Luật này.

HĐQT hoạt động trên cơ sở phân chia nhiệm vụ giữa các thành viên .

HĐQT bầu ra một chủ tịch và có thể bầu một phó chủ tịch.

Điều 130 : Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

HĐQT có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Là đầu mối (của công ty TNHH) và điều tiết hoạt động của các giám đốc;
2. Bổ sung chức vụ giám đốc còn trống giữa hai đại hội cổ đông thường kỳ;
3. Lập kế hoạch hoạt động kinh doanh của công ty TNHH và trình kế hoạch lên đại hội cổ đông để thông qua;
4. Thực hiện những quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong các văn bản luật về công ty TNHH.

Điều 131 : Số lượng thành viên của HĐQT

Số lượng thành viên của HĐQT phụ thuộc vào quyết định của bản thân hội đồng nhưng không được ít hơn một nửa số lượng giám đốc công ty. Trong trường hợp công ty chỉ có hai giám đốc thì số lượng thành viên HĐQT là hai người.

Trong trường hợp một ghế giám đốc công ty còn trống nhưng số lượng giám đốc cần thiết để hình thành đủ số thành viên của HĐQT đã có đủ thì HĐQT tiếp tục hoạt động của mình cho đến khi bổ nhiệm giám đốc mới.

Trong trường hợp số lượng ghế giám đốc không trống ít hơn số lượng cần thiết để hình thành đủ số thành viên của HĐQT như qui định trong đoạn 1 của Điều này thì HĐQT không thể tiếp tục hoạt động trừ hoạt động nhằm làm tăng cho đủ số lượng thành viên của HĐQT theo quy định.

Điều 132 : Chủ tịch và phó chủ tịch của HĐQT

Chủ tịch và phó chủ tịch của HĐQT được bầu từ các giám đốc.

Chủ tịch HĐQT chủ trì các cuộc họp HĐQT, đại hội cổ đông và thực hiện những quyền và nghĩa vụ khác được quy định trong Điều lệ về công ty TNHH.

Phó chủ tịch HĐQT thực hiện nhiệm vụ trợ giúp cho chủ tịch theo phân công.

Trong trường hợp chủ tịch HĐQT không tham dự được cuộc họp HĐQT hoặc đại hội cổ đông thì phó chủ tịch HĐQT được uỷ quyền chủ trì các cuộc họp này. Trong trường hợp phó chủ tịch cũng không dự họp được thì HĐQT hoặc đại hội cổ đông sẽ lựa chọn bất kỳ giám đốc nào chủ trì cuộc họp.

Người chủ trì đại hội cổ đông của một công ty TNHH không có HĐQT là một giám đốc được đại hội chỉ định làm người chủ trì.

Điều 133 : Triệu tập họp HĐQT

Bất kỳ giám đốc công ty nào cũng có quyền triệu tập họp HĐQT.

Giám đốc công ty phải trực tiếp tham gia họp HĐQT chứ không được phép cử người dự họp thay mình, trừ trường hợp người họp thay được tất cả các giám đốc khác chấp nhận. Người dự họp thay có thể nêu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể tổ chức họp không chính thức thông qua phương tiện truyền thông.

Điều 134 : Nghị quyết và biên bản họp HĐQT

Nghị quyết của cuộc họp HĐQT chỉ có hiệu lực khi được hơn một nửa số giám đốc dự họp bỏ phiếu thông qua. Mỗi giám đốc được bỏ một phiếu.

Chủ tịch HĐQT cũng bỏ phiếu như những giám đốc khác. Nếu kết quả bỏ phiếu là 50/50 thì chủ tịch HĐQT có quyền bỏ thêm một lá phiếu quyết định.

Một giám đốc có lợi ích đặc biệt hoặc lợi ích trực tiếp liên quan đến nghị quyết được quyết định bằng lá phiếu sẽ không được quyền bỏ phiếu.

Việc bỏ phiếu về nghị quyết của cuộc họp không chính thức được quy định trong Điều lệ về công ty TNHH trong đó mô tả cụ thể phương thức bỏ phiếu khi sử dụng phương tiện truyền thông để tiến hành họp HĐQT.

Mỗi cuộc họp HĐQT đều phải ghi lại biên bản hoặc có báo cáo về cuộc họp. Biên bản họp HĐQT được lưu giữ tại trụ sở của công ty TNHH để các cổ đông của công ty có thể xem và kiểm tra, trừ những tài liệu hoặc thông tin được coi là bí mật thương mại hoặc chiến lược cạnh tranh của công ty TNHH.

Điều 135 : Cán bộ, nhân viên của công ty TNHH

Cán bộ của công ty TNHH bao gồm người quản lý, thư ký, kế toán và các cán bộ khác.

Cán bộ của công ty TNHH được HĐQT bổ nhiệm hoặc sa thải hoặc có thể được giám đốc công ty bổ nhiệm hoặc sa thải nếu công ty đó không có HĐQT. Nhân viên công ty TNHH do người quản lý công ty tuyển dụng hoặc sa thải.

Cán bộ của công ty TNHH được hưởng lương. Nhân viên của công ty được hưởng tiền công. Tiền lương và tiền công của cán bộ, nhân viên công ty được đại hội cổ đông của công ty TNHH thông qua.

Cán bộ và nhân viên công ty TNHH thực thi các quyền và nghĩa vụ theo thẩm quyền.

Quan hệ giữa các giám đốc, cán bộ và nhân viên công ty TNHH dựa trên luật định.

Việc thuê và giao nhiệm vụ cho cán bộ, nhân viên phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó quy định chi tiết các quyền và nghĩa vụ được giao, phải có chữ ký của người tuyển dụng.

Trong trường hợp công ty TNHH không bổ nhiệm người quản lý thì giám đốc công ty thực thi quyền và nghĩa vụ của người quản lý.

E. Đại hội cổ đông của công ty TNHH

Điều 136 : Các đại hội cổ đông

Đại hội cổ đông là cơ quan cao nhất của công ty TNHH. Có hai hình thức đại hội cổ đông, đó là đại hội thường kỳ và đại hội bất thường.

Đại hội thường kỳ được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần. Thời gian tổ chức đại hội được Điều lệ của công ty TNHH ấn định.

Đại hội bất thường có thể được triệu tập vào bất cứ thời điểm cần thiết nào.

Đại hội bất thường được triệu tập trong những trường hợp sau:

1. Khi hơn một nửa số lượng giám đốc nhất trí tiến hành đại hội cổ đông.
2. Khi một cổ đông yêu cầu toà án và công ty TNHH tiến hành đại hội.
3. Khi các cổ đông có cổ phiếu tương đương với ít nhất 20% tổng số cổ phiếu yêu cầu triệu tập đại hội.

Để triệu tập đại hội cổ đông như nêu trong đoạn 3 của điều này, các cổ đông phải gửi thư cho HĐQT hoặc giám đốc công ty, trong đó nêu rõ họ tên, mục đích yêu cầu triệu tập đại hội. Sau khi nhận được thư, trong vòng 30 ngày, HĐQT hoặc giám đốc công ty phải triệu tập đại hội cổ đông.

Điều 137 : Thông báo cho cổ đông trước khi tiến hành đại hội cổ đông.

Chậm nhất là năm ngày trước khi tiến hành đại hội cổ đông thường kỳ hoặc bất thường, HĐQT hoặc giám đốc công ty phải gửi thông báo cho tất cả các cổ đông nêu rõ ngày, giờ khai mạc và bế mạc, địa điểm tổ chức đại hội cùng tất cả tài liệu cần thiết liên quan đến đại hội.

Trong trường hợp đại hội cổ đông bị hoãn, HĐQT hoặc giám đốc công ty phải triệu tập đại hội theo cách thức được quy định trong đoạn 1 của điều này.

Việc thông báo cho cổ đông về đại hội có thể được thực hiện bằng cách gửi thông báo trực tiếp hoặc thông báo qua các phương tiện thông tin hợp doanh.

Điều 138 : Số đại biểu cần thiết theo qui định

Công ty TNHH sẽ quyết định số đại biểu cần thiết và quy định tiến hành đại hội cổ đông trong Điều lệ của công ty. Trong trường hợp không có quy định như vậy thì số đại biểu cần thiết phải ít nhất là 2 cổ đông tham dự đại hội có cổ phiếu lớn hơn một nửa tổng số cổ phiếu được đóng góp.

Điều lệ của công ty TNHH có thể quy định rõ số đại biểu cần thiết theo thỏa thuận nhưng không được ít hơn số đại biểu được quy định trong đoạn 1 của Điều này.

Cổ phiếu mất hiệu lực do chuyển nhượng của cổ đông có tham dự đại hội cổ đông không được tính khi quyết định số đại biểu cần thiết của đại hội cổ đông.

Điều 139 : Chương trình nghị sự của đại hội cổ đông

Chủ tịch đại hội cổ đông khi tiến hành đại hội phải tuân thủ trình tự trong chương trình nghị sự đã được nhất trí. Việc thay đổi trình tự của chương trình nghị sự chỉ có thể được thực hiện khi được bỏ phiếu và số phiếu thuận phải quá bán.

Đại hội cổ đông có thể đưa một vấn đề bổ sung vào chương trình nghị sự nếu được số cổ đông có cổ phiếu chiếm hơn một phần ba tổng số cổ phiếu đề nghị.

Trong trường hợp một vấn đề cần thêm thời gian để xem xét, đại hội cổ đông có thể nhất trí hoãn việc xem xét vấn đề đó và tổ chức một cuộc họp bổ sung mà không cần phải tiến hành các thủ tục triệu tập họp được quy định trong điều 137 của luật này.

Điều 140 : Địa điểm và quy định của đại hội cổ đông

Đại hội cổ đông phải được tiến hành tại trụ sở của công ty TNHH, trừ trường hợp cần thiết hoặc được nhất trí có thể tiến hành ở nơi khác.

Nếu sau 2 giờ kể từ khi bắt đầu đại hội mà số đại biểu cần thiết không có mặt thì chủ tịch đại hội được quyền đình chỉ đại hội.

Một đại hội mới sẽ được ấn định trong vòng 10 ngày kể từ ngày đại hội cổ đông bị đình chỉ. Lần này, đại hội mới có thể được tiến hành mà không nhất thiết phải có đủ số đại biểu cần thiết tham dự.

Điều 141 : Hạn chế đối với hoạt động biểu quyết

Quyền biểu quyết của cổ đông có thể bị hạn chế trong những trường hợp sau:

1. Trường hợp được quy định trong Điều lệ của công ty TNHH;
2. Cổ đông chưa thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phiếu, trừ khi có thoả thuận khác;
3. Là cổ đông nắm giữ một số cổ phiếu của cổ đông khác trừ trường hợp trước khi tiến hành họp, cổ đông đó cho HĐQT hoặc giám đốc công ty biết về cổ phiếu này;
4. Là một cổ đông có quyền lợi đặc biệt hoặc quyền lợi có liên quan trực tiếp đến vấn đề được biểu quyết để thông qua.

Quyết định về hạn chế quyền biểu quyết của cổ đông nêu trong tiểu mục 4 của Điều này được thực hiện bởi đại hội cổ đông.

Điều 142 : Cử người được uỷ quyền tham dự một cuộc họp

Một cổ đông có thể cử người được uỷ quyền thay mặt cho mình tham dự cuộc họp, việc cử người phải được thực hiện bằng văn bản và trao trực tiếp trước khi tiến hành cuộc họp cho HĐQT hoặc giám đốc công ty. Văn bản cử người được uỷ quyền phải bao gồm những nội dung sau:

1. Tên người được uỷ quyền và tên cổ đông uỷ quyền;
2. Số cổ phiếu của cổ đông uỷ quyền;
3. Địa điểm, thời gian của cuộc họp, điều khoản về uỷ quyền. Trong trường hợp cổ đông muốn người được uỷ quyền bỏ phiếu thay mình thì phải nêu rõ trong văn bản uỷ quyền.

Người được uỷ quyền dự họp được hưởng số phiếu biểu quyết tương đương với số phiếu cổ đông uỷ quyền được hưởng, trừ khi được quy định khác trong văn bản uỷ quyền.

Điều 143 : Nghị quyết của đại hội cổ đông

Nghị quyết của đại hội cổ đông được phân làm hai loại, đó là nghị quyết thông thường và nghị quyết đặc biệt.

Nghị quyết thông thường chỉ có hiệu lực khi số phiếu tán thành được kiểm chiếm hơn một nửa số phiếu được biểu quyết với điều kiện mỗi một cổ phiếu tương đương với một lá phiếu.

Điều 144 : Nghị quyết đặc biệt của đại hội cổ đông

Để tổ chức một đại hội cổ đông về một nghị quyết đặc biệt, công ty TNHH phải thông báo trước cho cổ đông như được quy định trong điều 137 của Luật này, trong đó nêu rõ vấn đề sẽ được biểu quyết để ra nghị quyết đặc biệt.

Đại hội cổ đông về một nghị quyết đặc biệt có thể được tổ chức một lần hoặc nhiều lần. Nghị quyết đặc biệt chỉ có hiệu lực khi có ít nhất hai phần ba số cổ đông và người được uỷ quyền dự họp biểu quyết, số cổ phiếu nắm giữ tương đương với 80% cổ phiếu đóng góp.

Những vấn đề cần có nghị quyết đặc biệt bao gồm:

1. Biểu quyết về những vấn đề cụ thể nêu trong Luật này;
2. Sửa đổi Điều lệ hoặc hợp đồng thành lập công ty TNHH;
3. Tăng hoặc giảm vốn;
4. Sát nhập hoặc giải thể công ty TNHH;
5. Bán hoặc chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của công ty TNHH cho người khác;
6. Mua hoặc tiếp nhận hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp khác;
7. Bỏ phiếu duy trì hiện trạng của công ty TNHH khi số lượng cổ đông vượt quá 30 người;

Nghị quyết đặc biệt phải được đăng ký với cơ quan lưu giữ hồ sơ liên quan trong vòng 10 ngày kể từ ngày ra nghị quyết.

Điều 145 : Cách thức thông qua một nghị quyết

Việc biểu quyết thông qua nghị quyết đặc biệt hoặc nghị quyết thông thường của Đại hội cổ đông có thể được thực hiện bằng cách bỏ phiếu hoặc bằng cách thức mở tùy thuộc vào quyết định của mỗi đại hội.

Điều 146. Bảo vệ quyền và lợi ích của cổ đông thiểu số

Nghị quyết của đại hội cổ đông có hiệu lực khi có phiếu biểu quyết được quy định trong Điều 143 và 144 của Luật này, tuy nhiên nếu nghị quyết đưa ra bị cổ đông thiểu số phản đối mà gây thiệt hại nghiêm trọng cho công ty TNHH, đặc biệt là các cổ đông thiểu số thì các cổ đông đa số phải bồi thường thiệt hại cho các cổ đông thiểu số như thoả thuận.

Điều 147 : Chấm dứt hiệu lực nghị quyết

Nghị quyết của đại hội cổ đông chỉ có thể bị chấm dứt hiệu lực bởi quyết định của toà án. Toà án có thể quyết định huỷ các nghị quyết trong những trường hợp các nghị quyết đó:

1. Vi phạm Điều lệ hoặc hợp đồng thành lập công ty TNHH;
2. Vi phạm quy định biểu quyết;

3. Vi phạm quy định về thông báo trước khi tiến hành đại hội cổ đông hoặc họp HĐQT theo Điều 137 của Luật này.

Điều 148 : Những người có quyền yêu cầu chấm dứt hiệu lực của nghị quyết

Cổ đông và HĐQT là những người có quyền yêu cầu chấm dứt hiệu lực nghị quyết của đại hội cổ đông.

Trong trường hợp cổ đông bị chết hoặc không có khả năng ra quyết định thì người giám hộ của cổ đông đó có quyền yêu cầu toà án chấm dứt hiệu lực nghị quyết của đại hội cổ đông.

Yêu cầu chấm dứt hiệu lực nghị quyết của đại hội cổ đông phải được thực hiện trong vòng 60 ngày kể từ ngày đại hội cổ đông biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 149 : Quyền và nghĩa vụ của cuộc họp thông thường

Một cuộc họp thông thường có những quyền và nghĩa vụ chính như sau:

1. Thông qua Điều lệ và hợp đồng thành lập của công ty TNHH;
2. Bầu giám đốc hoặc nhất trí thành lập HĐQT;
3. Bầu kiểm toán viên;
4. Quyết định thù lao và chi tiêu hàng năm cho các cuộc họp và lương của các giám đốc;
5. Quyết định lương và trợ cấp của cán bộ, nhân viên, kiểm toán viên của công ty TNHH. Kiểm toán viên do toà án chỉ định nêu tại đoạn 3, Điều 155 của Luật này có mức lương do toà án ấn định;
6. Thông qua báo cáo tóm tắt về hoạt động kinh doanh; bản kê thu nhập và chi phí, kế hoạch kinh doanh của công ty TNHH;
7. Thông qua phương thức chia cổ tức;
8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ cần thiết khác;

Một cuộc họp bất thường thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với những vấn đề nảy sinh giữa hai cuộc họp thông thường.

F. Tài chính của công ty TNHH

Điều 150 : Phân chia cổ tức

Việc phân chia cổ tức được thực hiện theo tỉ lệ phần trăm tương ứng với số cổ phiếu đóng góp, trừ khi được thoả thuận theo cách khác. Trước khi phân chia cổ tức cần phải có sự thông qua của đại hội cổ đông.

Công ty TNHH không được quyền phân chia cổ tức khi vẫn đang bị thua lỗ cộng dồn.

Trong trường hợp đoạn 2 của Điều này bị vi phạm và gây thiệt hại cho một chủ nợ của công ty thì một chủ nợ có thể khởi kiện các cổ đông để đòi lại cổ tức đã được chia.

Điều 151 : Quỹ dự phòng

Có hai loại quỹ dự phòng, đó là quỹ dự phòng bắt buộc và quỹ dự phòng tạm thời.

Quỹ dự phòng bắt buộc là quỹ dùng để phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh, hàng năm công ty TNHH sau khi khấu trừ lỗ phải dành 10% lợi nhuận ròng cho quỹ này. Khi quỹ dự phòng đã tích lũy được bằng một nửa số vốn đăng ký, công ty TNHH có thể tạm ngưng việc khấu trừ, trừ khi được quy định khác trong Điều lệ của công ty TNHH.

Công ty TNHH có thể lập thêm các quỹ dự phòng tạm thời theo thoả thuận tại đại hội cổ đông.

Điều 152 : Sử dụng quỹ dự phòng

Quỹ dự phòng bắt buộc của công ty TNHH chỉ được sử dụng để bù lỗ của công ty, trừ khi được quy định khác theo luật. Các quỹ tạm thời khác của công ty TNHH có thể được sử dụng để bù lỗ nếu được đại hội cổ đông thông qua.

G. Kiểm toán công ty TNHH

Điều 153 : Kiểm toán

Kiểm toán là hoạt động kiểm tra tính chính xác của thông tin và phương thức lưu sổ sách các tài khoản như được quy định trong Luật Kiểm toán Doanh nghiệp.

Hoạt động kiểm toán của cổ đông được tiến hành thông qua các kiểm toán viên do cổ đông lựa chọn tại đại hội cổ đông.

Công ty TNHH có thể thuê kiểm toán viên ngay từ ngày thành lập, kiểm toán viên có thể được thuê dài hạn hoặc định kỳ theo thỏa thuận tại đại hội cổ đông trừ trường hợp công ty TNHH có tài sản trên 5 tỉ kip.

Điều 154 : Tiêu chuẩn chuyên môn của kiểm toán viên

Kiểm toán viên phải đáp ứng được những tiêu chuẩn sau:

1. Không phải là giám đốc, cán bộ hay nhân viên của công ty TNHH;
2. Không có lợi ích đặc biệt nào hay lợi ích trực tiếp có liên quan trong công ty TNHH.

Kiểm toán viên có thể là một cổ đông hoặc một người ngoài công ty.

Điều 155 : Chỉ định hoặc bãi miễn kiểm toán viên

Kiểm toán viên được chỉ định hoặc bãi miễn bởi đại hội cổ đông.

Trong trường hợp vị trí kiểm toán viên bị bỏ trống bất kể vì bất kỳ lý do gì, HĐQT hoặc giám đốc công ty phải triệu tập cuộc họp bất thường để chọn kiểm toán viên thay thế để đảm bảo đủ số kiểm toán viên.

Trong trường hợp vi phạm đoạn 2 của Điều này, ít nhất ba cổ đông được quyền đăng ký yêu cầu toà án chỉ định một kiểm toán viên.

Điều 156 : Quyền và nghĩa vụ của kiểm toán viên

Một kiểm toán viên có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Được hưởng tiền công;
2. Thanh tra sổ sách kế toán của công ty TNHH bất cứ khi nào cần;
3. Yêu cầu giám đốc, cán bộ, nhân viên công ty cung cấp thông tin về bất cứ vấn đề nào có liên quan đến hoạt động thanh tra sổ sách kế toán của công ty;
4. Viết và gửi báo cáo thu chi cùng bản quyết toán cho đại hội cổ đông, dựa trên các tài liệu trên, báo cáo và chứng thực tính chính xác hoặc không chính xác của hệ thống kế toán hoặc dữ liệu liên quan đến sổ sách kế toán của công ty TNHH.

Điều 157 : Báo cáo thường niên về hoạt động kinh doanh

Báo cáo thường niên về hoạt động kinh doanh của công ty TNHH bao gồm những nội dung sau:

1. Tổng vốn, vốn đăng ký, số lượng cổ phiếu đã phát hành nhưng chưa thanh toán;
2. Loại cổ phiếu, số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán;
3. Tên, địa chỉ và hình thức kinh doanh của các công ty khác mà công ty TNHH nắm giữ cổ phiếu bao gồm loại và số lượng cổ phiếu nắm giữ;
4. Thông tin quy định cụ thể tại đoạn 9, Điều 124 của luật này;
5. Mọi khoản thù lao mà mỗi giám đốc nhận được từ công ty;
6. Các vấn đề khác được quy định trong Điều lệ của công ty TNHH.

Điều 158 : Quyền của cổ đông trong việc thanh tra tài liệu

Cổ đông có quyền thanh tra hoặc sao chụp các tài liệu được đăng ký của công ty TNHH bất cứ lúc nào trong giờ làm việc, trừ các tài liệu liên quan đến bí mật thương mại và chiến lược cạnh tranh.

Lệ phí sao chụp tài liệu được thu chỉ dựa trên chi phí của bản sao chụp.

Cổ đông có quyền yêu cầu giám đốc công ty TNHH ký chứng thực giá trị của bản sao tài liệu.

H. Sát nhập và giải thể công ty TNHH

Điều 159 : Sát nhập công ty TNHH

Một công ty TNHH có thể sát nhập với các công ty khác để trở thành công ty đang hoạt động hoặc một công ty mới.

Công ty TNHH có thể sát nhập chỉ khi:

1. Có nghị quyết đặc biệt như quy định trong Điều 144 của Luật này;
2. Có thông báo cho các chủ nợ bằng phương tiện thông tin hợp doanh ít nhất ba lần trong vòng 10 ngày kể từ ngày ra nghị quyết sát nhập, dành cho các chủ nợ thời hạn 60 ngày để phản đối nghị quyết kể từ khi nhận được thông

- báo. Các chủ nợ không phản đối nghị quyết hoặc không phản hồi thông báo trong thời hạn trên mặc nhiên được coi là không phản đối nghị quyết;
3. Đăng ký hoạt động kinh doanh như một doanh nghiệp mới.

Việc phản đối và có hiệu lực của hoạt động sát nhập của công ty TNHH tương tự như quy định trong Điều 52 của Luật này.

Điều 160 : Lý do giải thể

Một công ty TNHH có thể bị giải thể vì hai lý do: theo luật pháp và theo quyết định của toà án.

Việc giải thể công ty TNHH phải được đăng ký để giải thể tạm thời như quy định trong đoạn 2 Điều 53 của Luật này.

Điều 161 : Giải thể theo luật pháp

Công ty TNHH có thể bị giải thể trên bất cứ cơ sở pháp lý nào sau đây:

1. Giải thể theo Điều lệ của công ty TNHH;
2. Đại hội cổ đông của công ty thông qua nghị quyết giải thể như quy định trong Điều 144 của Luật này;
3. Phá sản;
4. Giải thể theo quy định của Mục 2 và 3, Phần III của Luật này.

Điều 162 : Giải thể theo quyết định của toà án

Bất kỳ giám đốc hay cổ đông nào cũng có thể yêu cầu toà án xem xét việc giải thể công ty TNHH dựa trên những cơ sở của một trong những lý do sau:

1. Vi phạm quy định hoặc thủ tục thành lập công ty theo Luật này;
2. Vi phạm hợp đồng thành lập hoặc Điều lệ của công ty TNHH;
3. Công ty TNHH bị thua lỗ triền miên trong hoạt động kinh doanh và không có khả năng phục hồi;
4. Điều kiện bất khả kháng khiến công ty TNHH không có khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh;
5. Công ty chỉ còn duy nhất một cổ đông hoặc số lượng cổ đông vượt quá 30 người, trừ trường hợp quy định trogn Điều 85 của Luật này.

Sau khi nhận được yêu cầu giải thể, toà án có thể xem xét việc giải thể hoặc lệnh cho công ty TNHH liên quan tự giải quyết vấn đề nếu tình hình không quá nghiêm trọng hoặc nếu công ty có thể tự giải quyết được.

Điều 163 : Hiệu lực của giải thể tạm thời

Việc giải thể công ty TNHH có hiệu lực tương tự như việc giải thể công ty hợp doanh theo Điều 57 của Luật này.

I. Thanh lý tài sản của công ty TNHH

Điều 164 : Phương thức thanh lý tài sản

Cổ đông có thể nhất trí lựa chọn hình thức phân chia hoặc thanh lý tài sản theo quy định của Điều lệ của công ty TNHH hoặc theo thỏa thuận, trừ trường hợp lý do giải thể công ty là do phá sản, do quyết định của toà án hoặc do công ty TNHH chỉ còn lại duy nhất một cổ đông hoặc số cổ đông vượt quá 30 người.

Điều 165 : Chỉ định hoặc bãi miễn người thanh lý tài sản.

Việc chỉ định hoặc bãi miễn người thanh lý tài sản được quy định trong Điều lệ của công ty TNHH. Trong trường hợp Điều lệ không có quy định về vấn đề này, việc chỉ định hoặc bãi miễn người thanh lý tài sản sẽ do đại hội cổ đông thực hiện với số phiếu biểu quyết của ít nhất hai phần ba số cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người thanh lý tài sản phải là người bình thường và có thể là người của công ty TNHH hoặc người ngoài công ty.

Trong trường hợp số phiếu biểu quyết của cổ đông để chỉ định người thanh lý tài sản không đủ như quy định tại đoạn 1 của Điều này, những người có quyền lợi đặc biệt trong công ty TNHH có thể yêu cầu toà án chỉ định người thanh lý tài sản.

Quá trình bãi miễn người thanh lý tài sản được thực hiện tương tự như quá trình chỉ định được quy định trong Điều này và Điều 166 của Luật này.

Điều 166 : Chỉ định người thanh lý tài sản của toà án

Toà án thực hiện việc chỉ định người thanh lý tài sản trong trường hợp công ty TNHH bị giải thể vì lý do phá sản, và trong trường hợp công ty chỉ còn một cổ đông hoặc số lượng cổ đông vượt quá 30 người.

Điều 167 : Chỉ định người thay thế

Trong trường hợp người thanh lý tài sản không có khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình vì bất cứ lý do gì như từ trần, trở thành người không còn khả năng bình thường thì việc chỉ định người thay thế sẽ diễn ra theo trình tự giống như quá trình chỉ định ban đầu.

Công ty TNHH phải thông báo cho công chúng, như được đề cập đến trong Điều này, Điều 165 và 166 của Luật này, việc chỉ định, bãi miễn hoặc chấm dứt nhiệm vụ của người thanh lý tài sản trong vòng 10 ngày kể từ ngày thực hiện.

Điều 168 : Ưu tiên trong thanh toán và phân chia nợ

Việc thanh toán và phân chia nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như trong đoạn 1 đến 4, Điều 64 của Luật này.

Tài sản dư sau khi đã thanh toán đầy đủ cho chủ nợ như trong đoạn 1 của Điều này sẽ được chia cho tất cả các cổ đông.

Điều 169 : Áp dụng các quy định về giải thể của công ty liên doanh thông thường.

Ngoài những quy định trong tiểu Mục I, Đoạn 2, Phần V, việc giải thể công ty TNHH được thực hiện phù hợp với Điều 62 về quyền lợi và nghĩa vụ của người thanh lý tài sản, Điều 63 về thực thi nghĩa vụ của nhiều người thanh lý tài sản, Điều 65 về nghĩa vụ của người thanh lý tài sản sau quá trình thanh lý, Điều 66 về trách nhiệm của người thanh lý tài sản và Điều 67 về thông báo về việc giải thể và rút lại vĩnh viễn đăng ký doanh nghiệp theo Luật này.

J. Công ty TNHH một thành viên

Điều 170 : Thành lập công ty TNHH một thành viên

Để thành lập công ty TNHH một thành viên, cần thực hiện những bước sau:

1. Đóng góp cổ phiếu đầy đủ dưới danh nghĩa công ty TNHH một thành viên như quy định trong đoạn 1, Điều 172 của Luật này;
2. Dự thảo Điều lệ của công ty TNHH một thành viên;
3. Đăng ký kinh doanh.

Điều 171 : Thông báo đăng ký kinh doanh

Việc đăng ký kinh doanh của công ty TNHH một thành viên cần có các hồ sơ sau:

1. Đơn đăng ký và giấy chứng nhận chỉ định người quản lý nếu có;
2. Điều lệ của công ty TNHH một thành viên;

Tất cả các văn bản trên phải do cổ đông và người quản lý công ty, nếu có, ký.

Điều 172 : Đóng góp và chuyển nhượng cổ phiếu của công ty TNHH một thành viên.

Cổ đông của công ty TNHH một thành viên phải đóng góp toàn bộ cổ phiếu của mình, bằng tiền hoặc bằng hiện vật, trước khi đăng ký kinh doanh.

Cổ phiếu của công ty TNHH một thành viên sau khi đã đăng ký kinh doanh không được rút lại nhưng có thể được chuyển nhượng hoặc thừa kế.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký kinh doanh, công ty TNHH một thành viên phải trình Chứng chỉ cổ phiếu cho cơ quan đăng ký liên quan để thông qua.

Chứng chỉ cổ phiếu của công ty TNHH một thành viên không thể chuyển nhượng thành tiền.

Điều 173 : Có hơn một cổ đông

Công ty TNHH một thành viên có hơn một cổ đông phải đổi tên công ty thành công ty TNHH và phải tiến hành các thủ tục như quy định tại tiểu mục A đến I, mục 2, Phần V của Luật này, hoặc phải bị giải thể.

Điều 174 : Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông của công ty TNHH một thành viên có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Thông qua Điều lệ của công ty TNHH một thành viên;
2. Thuê người quản lý;
3. Thuê kiểm toán viên, nếu thấy cần thiết;

4. Quyết định lương của người quản lý, kiểm toán viên và các nhân viên khác;
5. Thông qua báo cáo về hoạt động kinh doanh, thu chi và kế hoạch kinh doanh của công ty TNHH một thành viên;
6. Quyết định sử dụng lợi nhuận thu được;
7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác như được xác định trong Điều lệ của công ty TNHH một thành viên.

Điều 175 : Người quản lý

Người quản lý công ty TNHH một thành viên có thể là bản thân cổ đông duy nhất của công ty hoặc một người được thuê từ ngoài. Người quản lý được thuê được quyền hưởng lương như thoả thuận. Cổ đông của công ty có thể thuê một hoặc nhiều người quản lý.

Người quản lý được thuê phải tiến hành tất cả các hoạt động được quy định trong Điều lệ của công ty TNHH một thành viên và phải nằm dưới sự giám sát của cổ đông.

Người quản lý được thuê có thể giao bớt một phần trách nhiệm quản lý của mình cho một người khác để giúp đỡ thực hiện.

Điều 176 : Hợp đồng thuê người quản lý

Hợp đồng thuê người quản lý của công ty TNHH một thành viên phải được làm bằng văn bản như quy định trong Luật Hợp đồng. Hợp đồng thuê người phải bao gồm những điều khoản cụ thể liên quan đến quyền, nghĩa vụ, lương bổng và trách nhiệm của các bên và điều khoản chấm dứt hợp đồng.

Quan hệ giữa người quản lý, công ty TNHH một thành viên và người ngoài dựa trên cơ sở của luật liên quan.

Điều 177 : Hạn chế đối với việc thuê người quản lý

Người quản lý được thuê không có quyền tiến hành hoạt động kinh doanh mang tính cạnh tranh với công ty thuê như sau:

1. Tiến hành hoạt động kinh doanh giống hoặc cùng một loại hình với hoạt động kinh doanh của công ty TNHH một thành viên , dù là tự kinh doanh hay

- kinh doanh trên danh nghĩa của một người khác, trừ khi được cổ đông đồng ý;
2. Là đối tác có trách nhiệm vô hạn của một công ty hợp doanh tiến hành hoạt động kinh doanh giống hoặc cùng một loại hình với hoạt động kinh doanh của công ty TNHH một thành viên, trừ khi được cổ đông đồng ý;

Điều 178 : Áp dụng quy định của công ty TNHH

Bên cạnh những quy định của tiểu mục J, Mục 2 của Phần này, các quy định của công ty TNHH về tăng, giảm vốn, tài chính, kiểm toán, sát nhập, giải thể hoặc thanh lý cũng được áp dụng cho công ty TNHH một thành viên.

MỤC 3 CÔNG TY HỢP DOANH

A. Các nguyên tắc chung và việc thành lập công ty hợp doanh

Điều 179 : Nguyên tắc của công ty hợp doanh về số lượng cổ đông

Một công ty hợp doanh phải có số lượng cổ đông sáng lập ít nhất là chín người và một kiểm toán viên kể từ ngày đăng ký kinh doanh.

Công ty hợp doanh có số lượng cổ đông ít hơn chín người phải bị giải thể và phải tiến hành quá trình thanh lý như quy định trong tiểu mục I, Mục 2 Phần V của Luật này.

Điều 180 : Người sáng lập công ty hợp doanh

Người sáng lập công ty hợp doanh phải là một cá nhân hay thể nhân đáp ứng được những điều kiện sau:

1. Có đầy đủ khả năng hoạt động;
2. Không phải là người bị phá sản chưa qua giai đoạn bị hạn chế tiến hành hoạt động kinh doanh theo lệnh của tòa án;
3. Chưa bao giờ phải ngồi tù vì phạm tội liên quan đến gian lận hoặc biển thủ;
4. Cùng nắm giữ cổ phiếu tương đương với ít nhất 10% vốn đăng ký.

Công dân, người định cư lâu dài ở Lào, người không có quốc tịch sống tại Lào hoặc người nước ngoài (nhà đầu tư nước ngoài) có quyền trở thành người sáng lập

công ty hợp doanh sở hữu 100%, trừ những trường hợp chính phủ quy định chi tiết ít nhất 50% người sáng lập công ty hợp doanh phải là người Lào.

Điều 181 : Tổ chức hợp theo luật định của công ty hợp doanh

Đại hội thành lập công ty hợp doanh phải được thực hiện trong vòng 90 ngày sau khi hợp đồng thành lập công ty hợp doanh được thông báo cho cơ quan đăng ký và cổ phần của công ty đã được bán hết.

Trong trường hợp Đại hội thành lập của công ty hợp doanh không thể được tiến hành theo quy định của đoạn 1 của Điều này, những người sáng lập công ty phải thông báo cho cơ quan đăng ký liên quan trong vòng 10 ngày kể từ ngày thỏa thuận hoãn cuộc họp.

Cuộc họp tiếp theo phải được tổ chức trong vòng 30 ngày kể từ ngày thông báo hoãn họp với cơ quan đăng ký. Hợp đồng thành lập công ty hợp doanh sẽ không còn giá trị nếu cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành và những người sáng lập công ty hợp doanh phải trả lại hoàn trả 100% tiền mua cổ phiếu cho người mua.

Đại hội thành lập của công ty hợp doanh phải được tiến hành tại huyện hoặc quận nơi trụ sở công ty đóng tại đó cuộc họp phải có sự tham dự của những người sáng lập, người mua cổ phiếu có số cổ phiếu tương đương với ít nhất hai phần ba tổng số cổ phiếu của công ty.

Điều 182 : Hợp đồng thành lập công ty hợp doanh

Hợp đồng thành lập công ty hợp doanh phải bao gồm những điều khoản cụ thể được quy định trong Điều 81 của Luật này và phải thông báo ý định bán cổ phiếu rộng rãi của công ty.

Việc bán cổ phiếu rộng rãi của công ty chỉ có thể được thực hiện khi công ty hợp doanh được đăng ký và phải được thực hiện theo luật liên quan đến bán cổ phiếu.

Luật liên quan đến bán cổ phiếu phải được thực hiện riêng rẽ.

B. Cổ phiếu và giấy nợ của công ty hợp doanh

Điều 183 : Cổ phiếu và phân chia cổ phần

Cổ phiếu của công ty có giá trị không được quá 100 ngàn kip.

Cổ đông của công ty phải đóng góp đầy đủ cổ phiếu của mình bằng tiền hoặc bằng hiện vật ngay ngày thành lập công ty.

Cổ đông của công ty sau khi đã được đăng ký có thể không được quyền yêu cầu tòa án cho phép rút lại cổ phiếu của mình.

Điều 184 : Chứng chỉ cổ phiếu.

Chứng chỉ cổ phiếu của công ty hợp doanh phải có những nội dung chính như sau:

1. Số tham chiếu của giấy chứng nhận
2. Tên và số của giấy chứng nhận đăng ký công ty hợp doanh
3. Tên và quốc tịch của cổ đông
4. Số lượng cổ phiếu do cổ đông nắm giữ
5. Giá trị của cổ phiếu
6. Ngày phát hành giấy chứng nhận
7. Tên và chữ ký của giám đốc có dấu của công ty

Chứng chỉ cổ phiếu của công ty hợp doanh có thể dùng để thương lượng.

Điều 185 : Chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu của công ty hợp doanh có thể được chuyển nhượng trong và ngoài công ty. Việc chuyển nhượng cổ phiếu được hoàn thành sau khi người chuyển nhượng chứng nhận phía sau Chứng chỉ cổ phiếu bằng cách ghi rõ họ tên người của người chuyển nhượng và nhận cổ phiếu chuyển nhượng và người chuyển nhượng giao giấy chứng nhận đó cho người nhận cổ phiếu chuyển nhượng.

Việc chuyển nhượng cổ phiếu có hiệu lực đối với:

1. Công ty hợp doanh khi công ty đó nhận được yêu cầu đăng ký của vụ chuyển nhượng
2. Người ngoài công ty khi công ty hợp doanh đăng ký chuyển nhượng

Sau khi nhận được yêu cầu, nếu việc chuyển nhượng cổ phiếu đúng thủ tục, công ty hợp doanh phải đăng ký việc chuyển nhượng trong vòng năm ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Phương thức và thời gian đề nghị phát hành Chứng chỉ cổ phiếu mới để thay thế giấy chứng nhận cũ được quy định cụ thể trong Điều lệ của công ty hợp doanh.

Người sáng lập công ty hợp doanh không được phép chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định tại đoạn 4 Điều 180 của Luật này trong vòng hai năm kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp của công ty hợp doanh.

Điều 186 : Giấy nợ

Công ty hợp doanh có thể vay tiền bằng cách phát hành giấy nợ để bán cho công chúng. Việc phát hành và bán giấy nợ phải tuân thủ các bước và quy định của luật liên quan đến bán chứng khoán.

Việc vay tiền của công ty hợp doanh bằng cách phát hành và bán giấy nợ chỉ có thể được thực hiện khi có nghị quyết đặc biệt theo quy định của Điều 144 của Luật này.

C. Sát nhập công ty hợp doanh

Điều 187 : Sát nhập một công ty hợp doanh

Một công ty hợp doanh có thể sát nhập với một công ty khác để trở thành một công ty mới hoặc có chức năng giống một trong hai công ty sát nhập.

Ngoài những quy định của trong Tiểu mục C, việc sát nhập công ty hợp doanh phải được thực hiện phù hợp với thủ tục sát nhập quy định tại Điều 159 của Luật này.

Điều 188 : Sự phản đối của cổ đông đối với việc sát nhập

Công ty nếu bị một cổ đông phản đối việc sát nhập phải mua cổ phiếu của cổ đông đó với giá thị trường tại thời điểm mua.

Trong trường hợp không xác định được giá mua tương ứng trên thị trường chứng khoán, giá mua cổ phiếu của cổ đông phản đối sát nhập sẽ là giá được tính bởi các chuyên gia độc lập được chỉ định theo một nghị quyết đặc biệt của đại hội cổ đông.

Công ty được quyền, mặc dù có cổ đông phản đối sát nhập từ chối bán cổ phiếu của mình với giá được quy định tại đoạn 2 của Điều này, tiến hành việc sát nhập và cổ đông phản đối sát nhập sẽ mặc nhiên trở thành cổ đông của công ty sát nhập.

Điều 189 : Thời gian quy định sát nhập và việc đăng ký của công ty hợp doanh được sát nhập

Việc sát nhập một công ty hợp doanh phải được hoàn thành trong vòng 150 ngày kể từ ngày nghị quyết của các công ty sát nhập được thông qua và công ty hợp doanh đã sát nhập phải đăng ký trong vòng 10 ngày kể từ ngày vụ sát nhập được hoàn tất.

Điều 190 : Áp dụng các quy định đối với công ty TNHH

Ngoài những quy định trong Mục 3, Phần V của Luật này, quy định của công ty TNHH về thông báo đăng ký doanh nghiệp, trách nhiệm của người sáng lập, tăng hoặc giảm vốn, giám đốc công ty và HĐQT, họp đại hội cổ đông, tài chính, kiểm toán và thanh lý tài sản được áp dụng cho công ty hợp doanh.

PHẦN VI
CÔNG TY NHÀ NƯỚC
MỤC 1
NHỮNG NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 191 : Những nguyên tắc chung của công ty Nhà nước (NN)

Công ty NN là công ty được thành lập ban đầu với 100% vốn Nhà nước. Sau khi đăng ký doanh nghiệp, công ty NN có thể bán một phần cổ phiếu cho các cổ đông khác với tỷ lệ phần trăm được chính phủ cho phép, nhưng không được vượt quá 50% tổng số cổ phiếu.

Trách nhiệm của cổ đông đối với nợ của công ty NN được giới hạn bằng tỉ lệ số cổ phiếu chưa được thanh toán mà cổ đông đó nắm giữ.

Công ty NN có thể là cổ đông của các công ty khác hoặc đối tác trong một công ty hợp doanh.

Mặc dù Nhà nước có thể là cổ đông của các công ty khác hoặc đối tác trong một công ty hợp doanh, Nhà nước không được phép trở thành đối tác vô hạn của một công ty hợp doanh.

Công ty NN hoặc NN mua cổ phiếu của một loại hình doanh nghiệp khác với tỉ lệ ít hơn 100% không làm thay đổi bản chất của loại hình doanh nghiệp đó.

Điều 192 : Hợp đồng thành lập công ty NN

Công ty NN được thành lập trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan tài chính và cơ quan chủ quản, trừ trường hợp thành lập công ty NN có hoạt động kinh doanh liên quan đến chính lĩnh vực tài chính đó.

Hợp đồng thành lập công ty NN bao gồm nội dung theo qui định của Điều 181 của Luật này.

Điều 193 : Thủ tục thành lập

Để thành lập một công ty NN, cần tiến hành những bước sau:

1. Cơ quan chủ quản phối hợp với cơ quan tài chính để thoả thuận thành lập công ty NN, dự thảo hợp đồng sáng lập mô tả mục tiêu của việc sáng lập, loại hình kinh doanh, tổng vốn được tính bằng cổ phiếu có giá trị tương đương, ấn định tỉ lệ cổ phiếu được phép chuyển nhượng sau khi đăng ký doanh nghiệp theo qui định của đoạn 1 Điều 191 của Luật này;
2. Nộp đơn xin phép thành lập công ty NN kèm theo một nghiên cứu khả thi kinh tế và kỹ thuật lên Thủ tướng nếu là cấp trung ương và Tỉnh trưởng nếu là cấp địa phương để xem xét;
3. Sau khi được phép của Thủ tướng hoặc Tỉnh trưởng, cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính lựa chọn người để chỉ định làm giám đốc;
4. Tổ chức họp theo luật định với sự có mặt của đại diện ngành chủ quản, cơ quan tài chính và tất cả các giám đốc được bổ nhiệm để chính thức thông báo việc thành lập công ty NN, giao nhiệm vụ cho các giám đốc;
5. Tổ chức cuộc họp đầu tiên của HĐQT nếu có;

6. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày đóng góp cổ phần đầy đủ theo qui định của Điều 199 của Luật này, giám đốc công ty phải đăng ký công ty NN với cơ quan đăng ký liên quan.

Điều 194 : Nhiệm vụ của Đại hội thành lập của công ty NN

Đại hội thành lập của công ty NN có những nhiệm vụ sau:

1. Thông qua Điều lệ của công ty NN;
2. Chính thức thông báo việc thành lập công ty NN;
3. Thông báo tên của các giám đốc được bổ nhiệm đầu tiên;
4. Thông báo tên của kiểm toán viên và ấn định lương kiểm toán;
5. Chính thức giao nhiệm vụ cho giám đốc công ty và HĐQT.

Đại hội thành lập của công ty NN có thể do đại diện của cơ quan chủ quản hoặc đại diện cơ quan tài chính chủ trì.

Điều 195 : Điều lệ của công ty NN

Điều lệ của công ty NN phải bao gồm những quy định cụ thể theo Điều 82 của Luật này. Ngoài ra, còn phải gồm những nội dung sau:

1. Tuyên bố về quyền và tỉ lệ cổ phiếu được phép bán sau khi đăng ký doanh nghiệp;
2. Phương thức phân chia cổ tức cho các cổ đông ngoài Nhà nước, nếu có;
3. Biện pháp của Nhà nước trong việc xử lý hoạt động kinh doanh khi công ty thua lỗ hoặc có lãi

Điều lệ của công ty NN phải được Bộ trưởng Tài chính ký nếu ở cấp trung ương và Tỉnh trưởng ký nếu ở cấp tỉnh.

Việc sửa đổi Điều lệ của công ty Nhà nước có thể được thực hiện khi có nghị quyết theo Điều 210 của Luật này.

Điều 196 : Cuộc họp đầu tiên của HĐQT

Cuộc họp đầu tiên của HĐQT phải được tổ chức trong vòng mười ngày kể từ ngày tiến hành họp theo luật định của công ty NN.

Trách nhiệm của cuộc họp đầu tiên của HĐQT như sau:

1. Bầu chủ tịch HĐQT. Bầu phó chủ tịch HĐQT nếu cần.
2. Phân chia nhiệm vụ giữa các giám đốc.

Nghị quyết của cuộc họp đầu tiên của HĐQT sẽ có hiệu lực khi có phiếu biểu quyết của hơn một nửa số giám đốc.

Điều 197 : Thông báo đăng ký doanh nghiệp

Đơn thông báo đăng ký doanh nghiệp phải bao gồm những nội dung sau:

1. Đơn do giám đốc ký kèm theo nghiên cứu khả thi kinh tế và kỹ thuật;
2. Thông báo hoặc quyết định thành lập công ty NN của Thủ tướng Chính phủ nếu ở cấp địa phương hoặc của Tỉnh trưởng nếu ở cấp tỉnh;
3. Biên bản Đại hội thành lập của công ty do chủ tịch cuộc họp ký;
4. Điều lệ của công ty NN do Bộ trưởng Tài chính ký nếu ở cấp trung ương hoặc tỉnh trưởng ký nếu ở cấp địa phương.

Việc bán cổ phiếu của công ty NN theo đoạn 1 Điều 191 của Luật này chỉ được thực hiện sau khi công ty NN đã được đăng ký và phải tuân thủ các quy định của luật về mua bán chứng khoán.

MỤC 2

CỔ PHIẾU VÀ GIẤY NỢ CỦA CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 198 : Cổ phiếu

Cổ phiếu của công ty NN được xác định bằng việc phân chia vốn của công ty thành nhiều phần có giá trị như nhau. Mỗi cổ phiếu của công ty NN không được phép vượt quá 100 nghìn kip.

Cổ phiếu của công ty NN có thể được thanh toán bằng tiền mặt hoặc hiện vật. Cổ phiếu thanh toán bằng hiện vật được định giá bằng tiền bởi một uỷ ban đặc biệt được thành lập để thực hiện nhiệm vụ này.

Điều 199 : Đóng góp cổ phiếu

Cổ phiếu của công ty NN được đóng góp bằng tiền hoặc hiện vật phải được thanh toán đầy đủ dưới danh nghĩa công ty NN trong vòng 5 ngày trước ngày thành lập công ty, trừ trường hợp khi cơ quan tài chính và cơ quan chủ quản nhất trí quy định khác, nếu có, quy định này phải được nêu rõ trong Điều lệ của công ty NN.

Điều 200 : Chứng chỉ cổ phiếu

Chứng chỉ cổ phiếu của công ty NN bao gồm những nội dung sau:

1. Số tham chiếu của chứng chỉ cổ phiếu;
2. Tên và số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
3. Tên của cơ quan đóng cổ phần;
4. Số lượng cổ phiếu;
5. Giá trị của cổ phiếu;
6. Ngày phát hành chứng chỉ cổ phiếu;
7. Tên và chữ ký của giám đốc kèm con dấu công ty.

Chứng chỉ cổ phiếu của công ty NN có thể dùng để thương lượng chỉ giới hạn trong tỉ lệ cổ phiếu quy định trong đoạn 1 Điều 191 của Luật này.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày công ty NN được đăng ký, giám đốc công ty phải phát hành chứng chỉ cổ phiếu cho cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính để lưu giữ làm bằng về sở hữu cổ phần.

Nội dung chứng chỉ cổ phiếu của các cổ đông khác phụ thuộc vào loại cổ phiếu mà cổ đông đó nắm giữ theo qui định của Điều 184 của Luật này. Các cổ đông khác là các cổ đông không đại diện cho Nhà nước.

Chứng chỉ cổ phiếu của công ty NN có giá trị tương đương với ít nhất một cổ phiếu.

Điều 201 : Chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu mà chính phủ cho phép bán cho các cổ đông khác cho thể được chuyển nhượng cho bất kỳ cán nhân nào.

Việc chuyển nhượng cổ phiếu lớn hơn tỉ lệ quy định tại đoạn 1 Điều 191 của Luật này là phạm luật và người chuyển nhượng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 202 : Giấy nợ

Công ty NN có thể vay tiền bằng cách phát hành giấy nợ để bán cho công chúng. Việc phát hành giấy nợ bán cho công chúng có thể được thực hiện khi:

1. Được phép của chính phủ;
2. Được thực hiện nhất quán với các bước và quy định của luật liên quan đến bán chứng khoán.

MỤC 3

GIÁM ĐỐC VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 203 : Giám đốc

Giám đốc công ty NN có thể là một quan chức chính phủ hoặc một người không phải là công chức NN, trừ trường hợp được quy định cụ thể khác cho một số công ty NN.

Giám đốc công ty là một tác nhân tham gia quản lý vốn và tài sản của Nhà nước để tiến hành hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả, là người đại diện cho công ty NN trong việc duy trì quan hệ kinh doanh với bên ngoài.

Giám đốc công ty NN được hưởng lương cơ bản tương đương với lương cơ bản của công chức Nhà nước và tiền thưởng được quy định cụ thể trong đoạn 1 Điều 125 của Luật này. Quy định này cũng được áp dụng cho các nhân viên của công ty NN.

Điều 204 : Phẩm chất của giám đốc

Ngoài trình độ chuyên môn quy định tại Điều 117 của Luật này, giám đốc công ty NN phải có thêm những phẩm chất sau:

1. Không được là người đã từng có hành vi tham nhũng hoặc cơ hội;
2. Tích cực thực hiện nhiệm vụ của mình
3. Người thân trong gia đình và bản thân không có lợi ích đặc biệt hoặc liên quan trực tiếp nào trong công ty NN;
4. Trước khi thực hiện nghĩa vụ là giám đốc công ty phải kê khai tài sản
5. Là người có kỹ năng, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh.

Điều 205 : Chỉ định hoặc bãi miễn giám đốc

Giám đốc được bổ nhiệm phụ thuộc vào hai trường hợp dưới đây:

1. Được sự chấp thuận của cơ quan chủ quản, giám đốc đầu tiên do Bộ trưởng Tài chính bổ nhiệm nếu ở cấp trung ương hoặc tỉnh trưởng bổ nhiệm nếu ở cấp địa phương;
2. Giám đốc thay thế, dựa trên nghị quyết của đại hội cổ đông, được Bộ trưởng Tài chính bổ nhiệm nếu ở cấp trung ương hoặc tỉnh trưởng bổ nhiệm nếu ở cấp địa phương;

Theo nghị quyết của đại hội cổ đông, giám đốc được bổ nhiệm trong hai trường hợp trên nếu bị bãi miễn sẽ theo quyết định của Bộ trưởng Tài chính nếu ở cấp trung ương và tỉnh trưởng nếu ở cấp địa phương.

Điều 206 : Chấm dứt nghĩa vụ của giám đốc

Giám đốc công ty NN có thể bị chấm dứt nghĩa vụ trên cơ sở sau:

1. Trên cơ sở quy định của đoạn từ 1 đến 4 Điều 127 của Luật này;
2. Bộ trưởng Tài chính nếu ở cấp trung ương và tỉnh trưởng nếu ở cấp địa phương ra quyết định chấm dứt quyền hạn và nghĩa vụ của giám đốc.

Việc từ chức của giám đốc có hiệu lực kể từ ngày được Bộ trưởng Tài chính thông qua nếu ở cấp trung ương hoặc tỉnh trưởng thông qua nếu ở cấp địa phương, thông báo từ chức phải được chuyển đến cơ quan đăng ký.

Điều 207 : Hội đồng quản trị (HĐQT)

Công ty NN có trên ba giám đốc phải thành lập HĐQT. Trong trường hợp cần thiết, công ty NN có hai giám đốc cũng có thể thành lập HĐQT.

Quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định tại Điều 130 của Luật này được áp dụng cho HĐQT của công ty NN.

MỤC 4
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 208 : Người được uỷ quyền của cổ đông Nhà nước

Cổ đông của công ty NN được đại diện bởi người được uỷ quyền cổ đông của cơ quan chủ quản và cơ quan tài chính, trừ khi được chính phủ quy định khác.

Cơ quan ngành liên quan đề cập đến đoạn 1 của Điều này phải chỉ định ít nhất hai người làm người được uỷ quyền cổ đông dựa trên đề xuất của cơ quan chủ quản, việc chỉ định do Bộ trưởng Tài chính thực hiện nếu ở cấp trung ương hoặc tỉnh trưởng thực hiện nếu ở cấp địa phương. Trong trường hợp có sự thay đổi thì một người được uỷ quyền cổ đông sẽ được chỉ định thay thế trong vòng không quá 30 ngày kể từ ngày thay đổi diễn ra.

Đại diện được uỷ quyền cổ đông của cơ quan ngành đề cập ở trên là người thực thi các quyền và nghĩa vụ của Nhà nước với tư cách là cổ đông trong mỗi công ty NN.

Đại diện được uỷ quyền cổ đông của Nhà nước không được hưởng lương nhưng được hưởng thù lao hàng năm cho việc tham dự mỗi đại hội cổ đông theo quy định.

Điều 209 : Số đại biểu quy định và quy tắc của đại hội cổ đông

Đại hội cổ đông của công ty NN phải có sự tham dự của tất cả những người được uỷ quyền cổ đông của Nhà nước hoặc người đại diện.

Người được uỷ quyền cổ đông của Nhà nước không thể tham dự đại hội cổ đông phải cử đại diện đi thay và phải có thư uỷ quyền gửi chủ tịch đại hội.

Trong trường hợp người được uỷ quyền cổ đông của Nhà nước vắng mặt ba lần không lý do, chủ tịch đại hội cổ đông phải thông báo cho Bộ trưởng Tài chính hoặc tỉnh trưởng để xem xét.

Trong trường hợp công ty NN bán cổ phiếu như quy định tại đoạn 1 Điều 191 của Luật này, ngoài số đại biểu quy định ở trên, đại hội cổ đông phải có sự tham dự của các cổ đông khác với tỉ lệ chiếm ít nhất 80% cổ phiếu bên ngoài.

Điều 210 : Nghị quyết của đại hội cổ đông

Nghị quyết của đại hội cổ đông được chia làm hai trường hợp sau:

1. Nghị quyết của đại hội cổ đông, trong trường hợp Nhà nước là cổ đông duy nhất của công ty NN, có hiệu lực khi có số phiếu biểu quyết của hơn một nửa số người được uỷ quyền cổ đông của công ty NN, trừ khi được quy định khác trong Điều lệ của công ty NN. Mỗi người được uỷ quyền cổ đông được bỏ một phiếu;
2. Nghị quyết của đại hội cổ đông, trong trường hợp công ty NN bán cổ phiếu như quy định tại đoạn 1 Điều 191 của Luật này, có hiệu lực khi có số phiếu biểu quyết của hơn một nửa tổng số cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu tương đương với một lá phiếu. Những người được uỷ quyền cổ đông của NN, sau khi ra quyết định bởi số phiếu biểu quyết như trong đoạn 1 của Điều này, phải chỉ định một người được uỷ quyền cổ đông thay mặt mình bỏ phiếu.

Đại hội cổ đông của công ty NN có thể xem xét và ra quyết định về tất cả các vấn đề liên đến hoạt động kinh doanh của công ty NN, trừ những vấn đề nêu trong Điều 211 của Luật này.

Điều 211 : Những vấn đề được đề xuất thông qua

Chính phủ ra quyết định đối với công ty NN ở cấp trung ương và tỉnh trưởng ra quyết định ở cấp tỉnh về những vấn đề liên quan đến tăng, giảm vốn, giải thể, sát nhập công ty NN với công ty NN hoặc công ty NN với loại hình doanh nghiệp khác, mua bán, chuyển nhượng hoạt động kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp khác để trở thành sở hữu của công ty NN.

Những vấn đề cần được đề xuất để chính phủ thông qua bao gồm:

1. Bán cổ phiếu như quy định tại đoạn 1 Điều 191 của Luật này;
2. Bán hoặc chuyển nhượng hoạt động kinh doanh của công ty NN dẫn đến việc thay đổi sở hữu và trở thành một loại hình doanh nghiệp khác;
3. Sát nhập công ty NN với một loại hình doanh nghiệp khác để trở thành loại hình doanh nghiệp đó

Chính phủ hoặc tỉnh trưởng ra quyết định về vấn đề được nêu trong Điều này phải tư vấn chi tiết về việc thực hiện quyết định đó.

Điều 212 : Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khác

Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khác bao gồm:

1. Tham dự đại hội cổ đông, đưa ra kiến nghị và bỏ phiếu biểu quyết;
2. Kiểm tra, sao chụp tài liệu liên quan đến đăng ký doanh nghiệp hoặc thông tin quy định trong Điều lệ của công ty NN;
3. Nhận cổ tức dựa trên phương thức được ấn định trong Điều lệ của công ty NN;
4. Khởi kiện khi có quyền lợi của mình bị xâm phạm.

MỤC 5

TÀI CHÍNH VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY NN

Điều 213 : Phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức của công ty NN dựa trên tỉ lệ cổ phiếu mà mỗi cổ đông nắm giữ. Phần cổ tức còn lại sau khi đã chia cổ tức cho các cổ đông khác do Nhà nước sở hữu và được chuyển vào ngân sách Nhà nước theo quy định liên quan.

Công ty NN không được phép phân chia cổ tức nếu công ty đó bị thua lỗ liên tục trong nhiều năm.

Điều 214 : Quỹ dự phòng

Có hai loại quỹ dự phòng, đó là quỹ dự phòng bắt buộc và các quỹ dự phòng tạm thời khác.

Quỹ dự phòng bắt buộc là quỹ phòng ngừa rủi ro kinh doanh mà hàng năm công ty NN, sau khi đã khấu trừ lỗ, dành 10% lợi nhuận ròng để đóng góp vào quỹ này. Khi quỹ dự phòng bắt buộc tích lũy được một nửa số vốn đăng ký, công ty NN có thể hoãn khấu trừ, trừ khi có quy định khác bởi Điều lệ của công ty NN.

Các quỹ dự phòng tạm thời khác có thể được lập theo thỏa thuận tại đại hội cổ đông. Quy định của Nhà nước về quỹ phúc lợi cũng được áp dụng cho công ty NN. Vì vậy, công ty NN không được phép tự lập quỹ phúc lợi của riêng mình.

Việc sử dụng quỹ của công ty NN phải tuân thủ theo Điều 152 của Luật này.

Điều 215 : Nghĩa vụ

Công ty NN được Nhà nước đối xử dựa trên mỗi trường hợp cụ thể sau:

1. Nếu công ty NN hoạt động kinh doanh có lãi, Nhà nước có thể khuyến khích bằng cách trích một số tiền không lớn hơn 10% lợi nhuận ròng của công ty để tăng lương hoặc thưởng cho nhân viên mỗi năm;
2. Nếu công ty NN hoạt động kinh doanh thua lỗ do các yếu tố khách quan bên ngoài không thể hoặc khó có thể kiểm soát được, Nhà nước phải có biện pháp thích hợp để giúp công ty NN tiếp tục hoạt động kinh doanh;
3. Nếu công ty NN hoạt động kinh doanh thua lỗ do giám đốc công ty thiếu năng lực quản lý kinh doanh, giám đốc công ty phải chịu trách nhiệm đối với dưới 10% khoản lỗ. Giám đốc công ty phải bị sa thải nếu công ty NN bị thua lỗ liên tục trong vòng hai năm;
4. Trong trường hợp công ty NN kinh doanh thua lỗ do lỗi của giám đốc, nhân viên công ty, Nhà nước có thể buộc các cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm đối với những thiệt hại mà họ gây ra hoặc đưa họ ra toà.

Chi tiết về các khoản tiền thưởng và trách nhiệm đối với thất thoát, thua lỗ của công ty NN được quy định cụ thể trong văn bản khác.

MỤC 6

KIỂM TOÁN VÀ THANH TRA ĐỘT XUẤT CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 216 : Kiểm toán

Công ty NN phải có một kiểm toán viên kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp. Công ty NN quy mô nhỏ không có khả năng thuê kiểm toán viên dài hạn thì, trước khi nộp bản quyết toán và báo cáo kinh doanh hàng năm cho đại hội cổ đông để thông qua ít nhất mỗi năm một lần, phải thuê kiểm toán viên để kiểm tra và chứng thực tính chính xác của tài liệu kế toán.

Công ty NN phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc về kiểm toán quy định tại tiểu mục G, Mục 2, Phần V của Luật này.

Điều 217 : Thanh tra đột xuất

Thanh tra đột xuất có thể được tiến hành trên cơ sở nghị quyết của đại hội cổ đông hoặc đề nghị của cơ quan chủ quản và theo quyết định của Bộ trưởng tài chính nếu ở cấp trung ương hoặc tỉnh trưởng nếu ở cấp địa phương. Nghị quyết của đại hội cổ đông phải tuân thủ quy định của Điều 210 của Luật này.

Sau khi nhận được nghị quyết hoặc đề nghị, Bộ trưởng tài chính hoặc tỉnh trưởng phải chỉ định thanh tra viên hoặc uỷ ban thanh tra trong vòng 30 ngày kể từ để tiến hành thanh tra công ty NN liên quan.

Điều 218 : Quyền và nghĩa vụ của thanh tra viên

Thanh tra viên có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Yêu cầu công ty NN cung cấp tài liệu phục vụ công tác thanh tra;
2. Yêu cầu giám đốc, nhân viên công ty NN cung cấp thông tin;
3. Dự thảo báo cáo về kết quả thanh tra và nộp cho cổ đông có yêu cầu cũng như cho Bộ trưởng tài chính hoặc tỉnh trưởng.

Điều 219 : Phí tổn thanh tra đột xuất

Nếu kết quả thanh tra chứng minh công ty NN sai phạm thì công ty đó phải chịu hoàn toàn phí tổn thanh tra. Trách nhiệm của cá nhân liên quan trong công ty NN sẽ dựa trên pháp luật liên quan.

Nếu kết quả thanh tra không chứng minh được sai phạm của công ty NN thì công ty đó vẫn phải chịu phí tổn thanh tra.

MỤC 7

TƯ NHÂN HOÁ, SÁT NHẬP, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Điều 220 : Chuyển sang một loại hình doanh nghiệp khác

Công ty NN có thể, nếu có ý định hoặc cần thiết, chuyển sang một loại hình doanh nghiệp khác theo quy định tại đoạn 2 và 3 Điều 211 của Luật này.

Việc sát nhập hoặc chuyển nhượng quy định trong đoạn 1 của Điều này phải dẫn tới việc thay đổi tên của công ty NN thành tên mới theo thoả thuận với các cổ đông khác, trong trường hợp đó, Nhà nước trở thành cổ đông của công ty mới thành lập, trừ trường hợp Nhà nước chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của mình.

Công ty NN chuyển sang một loại hình doanh nghiệp khác phải được thành lập, đăng ký và hoạt động trên cơ sở các nguyên tắc của loại hình doanh nghiệp kia.

Cơ quan tài chính với tư cách là cổ đông Nhà nước của công ty mới phải tuân thủ các nguyên tắc của công ty mới. Việc bán hoặc chuyển nhượng cổ phần của Nhà nước chỉ có thể được thực hiện khi được chính phủ thông qua.

Ngành tài chính được uỷ quyền thay mặt cho Nhà nước thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông và bảo vệ sở hữu của Nhà nước.

Điều 221 : Sát nhập các công ty NN

Việc sát nhập công ty NN phải được tiến hành như sau:

1. Sát nhập một công ty NN với một công ty NN khác hoặc sát nhập với một loại hình doanh nghiệp khác để trở thành công ty NN theo quy định của đoạn 1 Điều 211 của Luật này phải dựa trên các nguyên tắc sát nhập công ty TNHH và dựa trên thủ tục thành lập công ty NN;
2. Sát nhập công ty NN với một loại hình doanh nghiệp khác để trở thành loại hình doanh nghiệp kia như quy định trong đoạn 3, đoạn 2 Điều 211 của Luật này phải tuân thủ các nguyên tắc sát nhập và thủ tục thành lập loại hình doanh nghiệp kia.

Điều 222 : Giải thể và thanh lý

Công ty NN có thể giải thể trong những trường hợp sau:

1. Chính phủ hoặc tỉnh trưởng ra lệnh giải thể;
2. Phá sản;
3. Hoạt động kinh doanh liên tục bị thua lỗ và không thể vực lại.

Việc thanh lý công ty NN phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong tiêu mục I, Mục 2, Phần V của Luật này.

Điều 223 : Áp dụng quy định của công ty

Ngoài những quy định trong Phần VI của Luật này, những quy định của công ty TNHH và công ty hợp doanh được áp dụng cho cả công ty NN nếu công ty NN được thành lập theo quy định của loại hình công ty kia.

PHẦN VII

CÔNG TY HỖN HỢP

Điều 224 : Công ty hỗn hợp

Công ty hỗn hợp được thành lập và quản lý dưới các hình thức công ty được quy định trong Luật này.

Công ty hỗn hợp bao gồm cổ đông Nhà nước và cổ đông của loại hình doanh nghiệp khác, có thể là trong nước hoặc nước ngoài, trong đó mỗi bên nắm giữ 50% cổ phần.

Điều 225 : Đại hội cổ đông

Nghị quyết của đại hội cổ đông có hiệu lực khi có một phiếu biểu quyết nhất trí, trừ khi được quy định khác trong Điều lệ của công ty hỗn hợp.

Mỗi cổ phiếu tương đương với một lá phiếu biểu quyết.

PHẦN VIII QUẢN LÝ VÀ THANH TRA DOANH NGHIỆP

Điều 226 : Cơ quan quản lý

Chính phủ tập trung hoá việc quản lý sự thành lập và hoạt động của doanh nghiệp bằng cách uỷ quyền cho cơ quan trong ngành thương mại, phối hợp với các cơ quan ngành liên quan, làm cơ quan đầu mối, trừ trường hợp đăng ký và quản lý doanh nghiệp quy định trong Luật Xúc tiến Đầu tư Trong nước và Nước ngoài.

Cơ quan trong ngành thương mại bao gồm:

1. Bộ Thương mại;
2. Sở Thương mại các tỉnh;
3. Phòng Thương mại các quận, huyện, thành phố.

Điều 227 : Quyền và nghĩa vụ của Bộ Thương mại

Bộ Thương mại có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Nghiên cứu và xây dựng chính sách phát triển và xúc tiến doanh nghiệp;

2. Nghiên cứu và dự thảo luật hoặc quy định thực hiện chính sách phát triển và xúc tiến doanh nghiệp;
3. Phổ biến chính sách phát triển và xúc tiến doanh nghiệp, giám sát, khuyến khích và theo dõi việc thực thi chính sách;
4. Quản lý và cung cấp dịch vụ đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
5. Đào tạo, nâng cao cán bộ kỹ thuật liên quan đến thương mại;
6. Phối hợp với các cơ quan ngành liên quan và chính quyền địa phương hệ thống hoá quá trình thanh tra và giám sát việc thực thi luật và quy định về doanh nghiệp của các đơn vị kinh doanh trong nước;
7. Phát hành và chỉnh sửa giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc xoá tên doanh nghiệp khỏi danh sách đăng ký theo quy định của luật;
8. Thực hiện nghĩa vụ liên quan đến quan hệ thương mại và tiếp cận thị trường;
9. Thực thi các quyền và nghĩa vụ quy định trong luật.

Điều 228 : Quyền và nghĩa vụ của phòng thương mại các tỉnh

Phòng thương mại tỉnh có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Phổ biến chính sách phát triển và xúc tiến doanh nghiệp, giám sát, khuyến khích và theo dõi việc thực thi chính sách ở cấp tỉnh;
2. Phối hợp với các cơ quan ngành hệ thống hoá quá trình thanh tra, giám sát việc thực thi luật pháp và quy định về doanh nghiệp của các đơn vị kinh doanh ở cấp tỉnh, báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan cấp trên;
3. Phát hành và chỉnh sửa giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc xoá tên doanh nghiệp khỏi danh sách đăng ký theo quy định của luật;
4. Thực hiện nghĩa vụ liên quan đến quan hệ thương mại theo chỉ đạo của Bộ Thương mại, đặc biệt là với các nước láng giềng;
5. Thực thi các quyền và nghĩa vụ quy định trong luật.

Điều 229 : Quyền và nghĩa vụ của phòng thương mại cấp quận, huyện

Phòng thương mại cấp quận huyện có những quyền và nghĩa vụ sau:

1. Thực thi chính sách, luật và quy định đối với doanh nghiệp;
2. Phát hành và chỉnh sửa giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc xoá tên doanh nghiệp khỏi danh sách đăng ký theo quy định của luật;

3. Phối hợp với các cơ quan liên quan thống hoá quá trình thanh tra, giám sát việc thực thi luật pháp và quy định về doanh nghiệp của các đơn vị kinh doanh ở cấp quận huyện, báo cáo kết quả thực hiện cho cơ quan cấp trên;
4. Thực thi các quyền và nghĩa vụ quy định trong luật.

Điều 230 : Quyền và nghĩa vụ của các ngành liên quan

Cơ quan ngành có liên quan đến một doanh nghiệp, dựa trên vai trò, quyền hạn và nghĩa vụ của mình, phải phối hợp với cơ quan thương mại.

Cơ quan ngành liên quan, sau khi đăng ký doanh nghiệp, là cơ quan chính trong việc quản lý doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh trên cơ sở các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Điều 231 : Phòng Thương mại và Công nghiệp

Phòng Thương mại và Công nghiệp là một tổ chức xã hội của doanh nghiệp, là cơ quan cầu nối giữa các cơ quan Nhà nước và đơn vị doanh nghiệp, là đại diện của chủ doanh nghiệp, các hiệp hội kinh doanh và tất cả các loại hình doanh nghiệp được thành lập và tiến hành hoạt động kinh doanh ở Lào.

Phòng Thương mại và Công nghiệp có vai trò kiến nghị với chính phủ về hoạt động kinh doanh; nhắc nhở, tổ chức, vận động doanh nghiệp nhằm khuyến khích phát triển kinh tế, thương mại, tài chính và dịch vụ và bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp hoạt động kinh doanh theo pháp luật.

PHẦN IX

THƯỞNG PHẠT

Điều 232 : Thưởng

Bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào có thành tích công tác xuất sắc theo Luật này đều được thưởng và nhận các phúc lợi thích đáng khác.

Điều 233 : Phạt

Bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào vi phạm Luật này đều bị phạt tùy theo mức độ của từng vi phạm.

Điều 234 : Cản trở đăng ký doanh nghiệp

Cán bộ tại cơ quan đăng ký hoặc các cá nhân khác cản trở việc đăng ký doanh nghiệp dưới bất kỳ hình thức nào như yêu cầu người nộp đơn đăng ký doanh nghiệp cung cấp thêm thông tin một cách không chính đáng, làm mất tài liệu và kéo dài thủ tục đăng ký đều bị kỷ luật bằng các biện pháp như nhắc nhở, điều sang công tác khác, bãi miễn, sa thải.

Quy định tại đoạn 1 ở trên được áp dụng cho việc kiểm tra và xem xét doanh nghiệp nằm trong Danh sách Tiêu cực của bộ ngành liên quan.

Điều 235 : Lệnh tái đăng ký

Bất kỳ cá nhân nào ra lệnh tái đăng ký một doanh nghiệp đều bị kỷ luật bằng các biện pháp như điều chuyển sang công tác khác hoặc sa thải.

Quy định tại đoạn 1 ở trên được áp dụng cho tất cả các hình thức tái cấp phép liên quan đến doanh nghiệp nằm trong Danh sách Hạn chế của bộ ngành liên quan, trừ trường hợp được chính phủ cho phép.

Điều 236 : Hoạt động kinh doanh không đăng ký

Bất kỳ cá nhân nào tiến hành kinh doanh mà không đăng ký doanh nghiệp đều bị phạt tiền từ 1 đến 10 triệu kip mỗi lần.

Quyền lợi chính đáng của chủ nợ của cá nhân tiến hành hoạt động kinh doanh không đăng ký vẫn được bảo vệ nếu chủ nợ chỉ vì tin tưởng mà giao phó hoặc tham gia kinh doanh cùng cá nhân đó.

Điều 237 : Tiến hành hoạt động kinh doanh ngoài mục đích

Một cá nhân hay thể nhân tiến hành hoạt động kinh doanh ngoài mục đích hoạt động của doanh nghiệp mình bị phạt tiền từ 1 đến 5 triệu kip mỗi lần.

Điều 238 : Đăng ký doanh nghiệp không hợp lệ

Giấy phép đăng ký của doanh nghiệp đăng ký không hợp lệ như quy định tại Điều 15 của Luật này sẽ bị huỷ bỏ.

Cán bộ tại cơ quan đăng ký cấp giấy đăng ký không hợp lệ cho một cá nhân hay thể nhân như quy định tại đoạn 1 ở trên sẽ bị kỷ luật bằng nhiều hình thức như điều chuyển sang công tác khác, bãi miễn, sa thải.

Điều 239 : Tiết lộ, từ chối tiết lộ thông tin

Cán bộ tại cơ quan đăng ký hoặc cá nhân tiết lộ thông tin mà không được phép của doanh nghiệp liên quan được xác định tại đoạn 2 Điều 19 của Luật này sẽ bị coi là tiết lộ bí mật hành chính, bị phạt theo quy định của Luật Hình sự và bị sa thải.

Cán bộ tại cơ quan đăng ký không cho phép công chúng xem hoặc sao chụp, từ chối tiết lộ thông tin như quy định tại đoạn 1 Điều 19 của Luật này sẽ bị kỷ luật bằng các hình thức như điều chuyển sang công tác khác, bãi miễn hoặc sa thải.

Điều 240 : Treo biển hoặc sử dụng sai tên doanh nghiệp

Đối tượng treo biển hoặc sử dụng tên doanh nghiệp không nhất quán tên và biển vốn có của doanh nghiệp đó sẽ bị nhắc nhở hoặc phạt tiền 200 ngàn kip mỗi lần nếu không dỡ bỏ tên biển sai trong vòng bảy ngày kể từ ngày được lưu ý nhắc nhở.

Điều 241 : Sử dụng tên doanh nghiệp bị cấm

Cá nhân sử dụng tên doanh nghiệp bị cấm như nêu trong Điều 22 của Luật này sẽ bị phạt nhắc nhở hoặc phạt tiền 300 ngàn kip, tên bị cấm sẽ bị huỷ bỏ.

Điều 242 : Không dỡ bỏ biển doanh nghiệp sau khi giải thể

Cá nhân không dỡ bỏ biển doanh nghiệp sau khi giải thể như quy định tại đoạn 1 Điều 26 của Luật này sẽ bị phạt nhắc nhở hoặc phạt tiền 500 ngàn kip, biển doanh nghiệp sẽ bị tháo bỏ.

Điều 243 : Các vi phạm khác

Bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào vi phạm Luật này và gây tổn hại đến người khác phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Trong trường hợp phạm tội hình sự thì người vi phạm sẽ bị xử lý theo Luật Hình sự.

PHẦN X NHỮNG QUY ĐỊNH CUỐI CÙNG

Điều 244 : Thực hiện

Chính phủ Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chịu trách nhiệm thi hành Luật này.

Điều 245 : Hiệu lực

Luật này có hiệu lực sau 120 ngày kể từ ngày Chủ tịch nước ban hành Nghị định Nhà nước về việc ban hành Luật.

Luật Doanh nghiệp này thay thế cho Luật Kinh doanh số 005/NA ngày 18/06/1994.

Các quy định mâu thuẫn với Luật này đều bị huỷ bỏ.

Chủ tịch Quốc hội

Saman VIGNHAKETH (đã ký)